

# Gốm Hizen thế kỷ 17 phát hiện ở Việt Nam

Đặng Hồng Sơn<sup>1</sup>

Tư liệu khảo cổ cho thấy, Nhật Bản nhập khẩu đồ gốm men Việt Nam từ năm 1330<sup>2</sup>. Cuối thế kỷ 16, Nhật Bản tiếp thu kỹ thuật sản xuất gốm men từ bán đảo Triều Tiên mang về tỉnh Hizen và bắt đầu tự sản xuất gốm sứ từ năm 1610. Năm 1647, Nhật Bản chính thức tham gia vào thị trường gốm sứ thương mại quốc tế.

Hizen còn có tên Imari hoặc Arita, là một dòng gốm thương mại men trắng vẽ lam sản xuất tập trung tại khu vực thành phố Saga và quận Nagasaki phía tây bắc đảo Kyushu<sup>3</sup> để thay thế cho nhu cầu về sản phẩm tương tự của Trung Quốc đang bị thiếu hụt bởi rối loạn chính trị và chính sách Hải cấm. Trong thời gian sản xuất và xuất khẩu, Hizen trở thành một món hàng thời thượng của quốc tế và khu vực Đông Nam Á vào nửa sau thế kỷ 17.

Ở Việt Nam, trong vòng hơn 30 năm trở lại đây, gốm Hizen được phát hiện với phạm vi không gian và số lượng loại hình ngày càng gia tăng. Bài viết này, bằng việc thống kê và khảo tả loại hình gốm Hizen phát hiện ở các địa điểm Việt Nam qua các tài liệu khảo cổ học, bước đầu xác định vị trí của gốm Hizen trong đời sống cư dân Đại Việt, đồng thời qua đó tìm hiểu mối quan hệ giao thương Việt - Nhật thế kỷ 17.

## 1. Không gian và địa điểm phát hiện gốm Hizen ở Việt Nam

Sau khi những mảnh Hizen đầu tiên được xác nhận trong số gốm sứ khai quật ở Hội An năm 1990<sup>4</sup>, đến nay gốm Hizen thế kỷ 17 của Nhật Bản tại 22 địa điểm thuộc miền Bắc, miền Trung, Tây Nguyên và Nam bộ Việt Nam (Hình 1).

### 1.1. Tại miền Bắc có 6 khu vực phát hiện gốm Hizen

- Khu vực kinh thành Thăng Long (quận Ba Đình và Hoàn Kiếm thành phố Hà Nội) từng phát hiện gốm Hizen ở các địa điểm 18 Hoàng Diệu, Bắc Môn, Đoan Môn, Hậu Lâu, Văn Miếu, Tràng Tiền plaza...<sup>5</sup>

- Khu mộ táng dòng họ tù trưởng người Mường ở Đống Thếch (xã Vĩnh Đồng huyện Kim Bôi tỉnh Hòa Bình) cuộc khai quật 13 trong tổng số 22 ngôi mộ năm 1985 đã phát hiện một số đồ gốm Hizen<sup>6</sup>. Tương tự, tại các khu mộ của người Mường ở Hà Nội (vùng giáp Hòa Bình) cũng phát hiện đồ gốm Hizen giống như ở Đống Thếch<sup>7</sup>.

- Khu vực thương cảng Phố Hiến (thành phố Hưng Yên tỉnh Hưng Yên) đã phát hiện 4

mảnh bát Hizen trong hố thám sát năm 2011 ở đền Thiên Hậu, trong đó có một tiêu bản vẽ chữ 宣明 (Tuyên Minh) ở đế bát<sup>8</sup>.

- Di tích Làng Gốm (huyện Chí Linh tỉnh Hải Dương) là một địa phương sản xuất gốm sứ từ khoảng thế kỷ 16, trong số di vật tìm thấy ở di tích này, có mảnh bát Hizen vẽ hoa văn sóng nước và cá chép<sup>9</sup>.

- Di tích Lam Kinh (xã Xuân Lam huyện Thọ Xuân tỉnh Thanh Hóa) là nơi thờ cúng và an táng vua và hoàng tộc thời Lê Sơ. Cuộc khai quật khảo cổ năm 1998 đã phát hiện một di vật Hizen vẽ hoa văn sóng nước với cá chép vờn mây<sup>10</sup>.

- Khu vực thương cảng Hội Thống (xã Xuân Hội huyện Nghi Xuân tỉnh Hà Tĩnh) đã phát hiện 4 mảnh bát Hizen ở khu vực xung quanh đình Hội Thống<sup>11</sup>.

### **1.2. Tại miền Trung có 12 khu vực phát hiện gốm Hizen**

- Thương cảng Hội An (thành phố Hội An tỉnh Quảng Nam) trong các hố khai quật thám sát năm 1989 ở đình Cẩm Phô và Trung Phường đã phát hiện gốm sứ Hizen thuộc các loại hình bát và đĩa khác nhau, mảnh vỡ của nậm hình củ tỏi, lọ hoa<sup>12</sup>... Cuộc khai quật năm 2006 tại vườn sau nhà thờ họ Tăng số 16 đường Nguyễn Thị Minh Khai đã phát hiện ở độ sâu 1.5-1.8m một lớp gốm Hizen dày đặc trong địa tầng rất ổn định cùng nhóm đồ gia dụng bằng sành Việt Nam và gốm sứ Trung Quốc có cùng niên đại nửa sau thế kỷ 17<sup>13</sup>.

- Thương cảng Thanh Hà (xã Hương Vinh thị xã Hương Trà tỉnh Thừa Thiên Huế) trong các đợt điều tra và thám sát thập kỷ 1990 đã phát hiện hàng ngàn mảnh Hizen, được nhận định là địa điểm có tỷ lệ gốm Hizen nhiều nhất Việt Nam với 80% di vật gốm sứ<sup>14</sup>.

- Thương cảng Nước Mặn (thôn An Hòa xã Phước Quang huyện Tuy Phước tỉnh Bình Định) từng được điều tra năm 1994 và khai quật thám sát trong hai năm 2006, 2016. Các đợt này đều đã phát hiện số lượng đáng kể gốm Hizen thuộc đủ các loại hình từng phát hiện ở Indonesia, Thái Lan, Hội An, Thanh Hà...<sup>15</sup>

Ngoài ba thương cảng lớn trên, tại khu vực Trung bộ Việt Nam gốm Hizen còn phát hiện tại 9 địa điểm dưới đây.

- Thương cảng Mai Xá (huyện Gio Linh tỉnh Quảng Trị).
- Thương cảng Cửa Việt (huyện Triệu Phong tỉnh Quảng Trị).
- Khu di tích lò gốm Mỹ Xuyên (huyện Phong Điền tỉnh Thừa Thiên Huế).
- Địa điểm Thanh Chiêm (huyện Điện Bàn tỉnh Quảng Nam).
- Địa điểm Nổi Rang (huyện Duy Xuyên tỉnh Quảng Nam).
- Thành cổ Trà Kiệu (huyện Duy Xuyên tỉnh Quảng Nam).
- Di tích Đồng Dương (huyện Thăng Bình tỉnh Quảng Nam).
- Khu tháp Dương Long (xã Tây Bình huyện Tây Sơn tỉnh Bình Định).
- Khu tháp Thốc Lốc (phường Nhơn Thành thị xã An Nhơn tỉnh Bình Định)<sup>16</sup>.

### **1.3. Tại Tây Nguyên có 3 khu vực phát hiện gốm Hizen**

- Khu mộ cổ Đại Làng (huyện Bảo Lộc tỉnh Lâm Đồng).

- Khu mộ cổ ở Đại Lào (huyện Bảo Lộc tỉnh Lâm Đồng).
- Khu mộ cổ Đa Đòn (huyện Bảo Lộc tỉnh Lâm Đồng)<sup>17</sup>.

#### 1.4. Tại miền Nam có 1 địa điểm phát hiện gốm Hizen

Cho đến nay gốm Hizen mới được phát hiện ở di tích Công ty Đông Ấn Anh (EIC<sup>18</sup>) ở Côn Đảo (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)<sup>19</sup>.

## 2. Loại hình gốm Hizen phát hiện ở Việt Nam

Gốm Hizen phát hiện ở Việt Nam gồm hai dòng gốm men trắng vẽ lam (blue and white ceramics) và loại gốm vẽ màu trên men (overglaze enamels ceramics). Trong đó, phổ biến nhất về số lượng và đa dạng về hình loại là gốm men trắng vẽ lam. Kết quả nghiên cứu tài liệu thư tịch và phát hiện khảo cổ học cho biết, gốm Hizen nhập khẩu vào Đàng Ngoài có bốn nhóm chính:

- Đồ dùng uống rượu: nậm, lọ, hũ, bình có tay cầm nhỏ và chén;
- Đồ dùng uống trà: ấm, bình pha trà, chén và các loại đĩa;
- Đồ dùng ăn: bát và đĩa ba cỡ to, nhỏ và trung bình với nhiều kiểu hoa văn;
- Đồ trang trí nội thất: các loại bình thon và cao<sup>20</sup>.

### 2.1. Gốm men trắng vẽ lam

**Bát:** chủ yếu thuộc các loại bát nhỏ, có dáng miệng thẳng, thành cong vát, lòng sâu, chân đế nhỏ và thấp. Men màu trắng kem hay màu trắng phớt xanh, bề mặt không sáng bóng như đồ gốm men Trung Quốc. Nhiều bát có men rạn, xương gốm xốp giống như gốm men Việt Nam thời Lê Sơ. Hoa văn trang trí vẽ màu xanh lam dưới men với các đồ án rồng, phượng, sư tử, gà trống, phong cảnh, hoa lá, chữ Hán...<sup>21</sup>

**Bát vẽ rồng:** phát hiện nhiều di tích Thăng Long, Hội An, Nước Mặn... Tại Thăng Long, trong tổng số 379 tiêu bản và 363 mảnh gốm Hizen đã phân loại, bát có 135 tiêu bản (chiếm 35.6%) và 245 mảnh (chiếm 67.5%). Bát có đường kính miệng 11-15cm và cao 6-7cm, hoa văn hình rồng có ba phong cách thể hiện và bố cục chính.

Nhóm thứ nhất, thành ngoài vẽ rồng đôi có thân cong ngắn, đầu nhỏ, đuôi xòe hình lá; lòng bát vẽ hình đầu rồng ẩn hiện trong mây, sóng nước hay cá chép nhảy trong sóng nước... Các nét vẽ đều cho thấy tính phóng khoáng, đơn giản và cách điệu riêng có trong nghệ thuật gốm sứ Nhật Bản (Hình 2-3).

Nhóm thứ hai, thành ngoài vẽ rồng đôi phong cách Trung Quốc; lòng bát vẽ hình rồng cuộn trong vòng tròn với đường nét tỉ mỉ, thể hiện rõ nét 3-4 móng sắc nhọn. Men trắng bóng, hoa văn màu xanh đậm và có sắc tươi tắn. Về hình thức và trang trí, những đồ gốm này có nhiều điểm tương đồng với gốm men trắng vẽ lam Trung Quốc. Đáy bát thường vẽ chữ 大明成化年製 (Đại Minh Thành Hóa niên chế) khiến cho sự mô phỏng ấy hoàn thiện hơn.

Nhóm thứ ba, thành ngoài vẽ rồng đơn trong vòng tròn và chữ 壽 (Thọ), mang nhiều yếu tố truyền thống của đồ gốm men trắng vẽ lam Trung Quốc.

**Bát vẽ sư tử:** phát hiện ở Thăng Long, đường kính miệng 11.8cm và cao 6.3cm; thành ngoài

vẽ sư tử trong hình tròn, xung quanh vẽ cảnh hoa mẫu đơn; lòng bát vẽ một cảnh hoa mẫu đơn. Loại hình này cũng có một số tiêu bản vẽ hoa mẫu đơn dây và sư tử có phương cách tương tự như đồ gốm Trung Quốc đương thời.

Bát vẽ phượng: phát hiện ở nhiều địa điểm như Thăng Long, mộ Đống Thếch, thương cảng miền Trung Việt Nam và các nước trong khu vực... cho thấy sự ưa chuộng loại bát này của thị trường Đông Nam Á. Tại Thăng Long, bát có đường kính miệng 16.3cm và cao 7.6cm; thành ngoài thể hiện phượng đôi xòe rộng cánh bằng nét vẽ phóng khoáng, thanh thoát và mang tính cách điệu; lòng bát vẽ sóng nước hoặc cá chép nhảy trong sóng nước giống như bát vẽ rồng ở trên. Trong mộ mộ 84.ĐT.M3 và mộ 84.ĐT.M7 ở khu mộ Đống Thếch phát hiện được 2 bát gần giống nhau. Bát mộ M3 có đường kính miệng 14.2cm và cao 6.6cm, thành ngoài vẽ rồng phượng, lòng bát vẽ sóng nước và mây. Bát trong mộ M7 có đường kính miệng 14.4cm và cao 6.5cm, mặt ngoài vẽ phượng, lòng bát vẽ cá chép nhảy trong sóng nước.

Tại Thăng Long còn có 7 tiêu bản bát đường kính miệng 13.5cm và cao 7.2cm; thành ngoài vẽ phong cảnh sơn thủy, hoa lá và những mảng mây lớn cuộn tròn như sóng nước với nét vẽ đậm nhạt rất linh hoạt và được điểm xuyết bằng các chấm nhỏ làm nổi bật hình chim phượng đang bay lượn trên đỉnh núi; lòng bát vẽ chim phượng (Hình 4).

Bát vẽ gà trống: mới chỉ phát hiện ở Thăng Long; đường kính miệng 13.9cm và cao 7.3cm; thành ngoài vẽ ba con gà trống, trong đó có hai con đang trong tư thế chọi nhau, trên đầu có chữ 夫 (Phu), còn con thứ ba quay đầu đi hướng khác, xung quanh gà vẽ cảnh núi đá và cây hoa (Hình 5).

Bát vẽ phong cảnh: phát hiện ở nhiều địa điểm; đường kính miệng 11-16cm và cao 6-8.5cm; thành ngoài bát thường vẽ phong cảnh đồi núi và cây cối, nhà cửa, thuyền và biển; đáy bát thường vẽ chữ 大明成化年製 (Đại Minh Thành Hóa niên chế) hoặc 大明年製 (Đại Minh niên chế)... Loại bát vẽ thuyền buồm và biển cả hay phong cảnh núi đá lớn thường có chất lượng thấp, men trắng xám, không bóng mịn, hoa văn men lam có màu trầm (Hình 6). Loại bát vẽ nhà cửa, núi đá hay bến thuyền với lối diễn tả xa gần giàu chất hiện thực thường có chất lượng tốt hơn, trang trí tinh xảo hơn (Hình 7-8).

Bát vẽ hoa lá: phát hiện ở nhiều địa điểm; đường kính miệng 10-16cm và cao 6-8.5cm; thành ngoài bát thường thể hiện nhiều loại hoa lá khác nhau như hoa cúc, mẫu đơn, hoa dây với các đồ án theo chiều ngang hoặc bố dọc thành bát, có khi kết hợp sóng nước; lòng bát có một cảnh hoa nhỏ. Một số tiêu bản có vẽ chữ 大明成化年製 (Đại Minh Thành Hóa niên chế), 宣德年製 (Tuyên Đức niên chế) hoặc 宣明年製 (Tuyên Minh niên chế)... ở đáy (Hình 9-10).

Bát vẽ chữ Hán: lòng bát thường ghi chữ 福 (Phúc), 祿 (Lộc), 壽 (Thọ)... kết hợp với các hoa văn nhằm mục đích chúc phúc và may mắn. Một số tiêu bản có vẽ chữ 雨香齋 (Vũ Hương trai). Đặc biệt, tại khu mộ cổ ở Lâm Đồng đã khai quật một chiếc bát có chữ 大明成化年製 (Đại Minh Thành Hóa niên chế) ở trong lòng bát và đáy bát ghi chữ 宣明年製 (Tuyên Minh niên chế)... (Hình 11-13).

Tại Hội An, bát có đường kính miệng 15-17cm, đường kính đế 5.5-6.5cm và cao 6.5-7.5cm;

trang trí cả trong và ngoài bát với các đề rồng và mây, phượng hoàng, cá chép bơi trong sóng nước, hoa lá, phong cảnh nhân vật, chữ Hán... được thể hiện thống nhất theo thủ pháp cách điệu cao<sup>22</sup> (Hình 16). Tại Nước Mặn, bát có đường kính miệng 13-15cm và cao 6.9-8.7cm, trang trí cả chép nháy trong sóng nước (Hình 17)<sup>23</sup>.

**Đĩa:** có nhiều loại kích cỡ khác nhau và loại hình hoa văn trang trí khác nhau. Tại Thăng Long có 191 tiêu bản (chiếm 50.4%) và 35 mảnh (chiếm 9.6%), trong đó chủ yếu là đĩa nhỏ, chỉ có 8 đĩa lớn. Đĩa nhỏ có đường kính miệng khoảng 10-15cm; lòng rộng, thành cong, miệng vát thẳng, xương gốm dày, men thường có màu trắng đục hay trắng xám; trang trí nhiều loại hoa văn rồng, mây, phượng, chữ Hán, quả đào, hoa cúc, hoa lá và phong cảnh.

**Đĩa nhỏ vẽ rồng:** trang trí kín lòng đĩa là đồ án rồng đôi bay trong mây theo chiều kim đồng hồ như tiêu bản hoàn chỉnh đường kính miệng 10cm phát hiện tại Đống Thếch (Hình 18). Cũng có loại giữa lòng đĩa là một con rồng cuộn tròn, đáy đĩa ghi chữ 大明成化年製 (*Đại Minh Thành Hóa niên chế*) (Hình 19).

**Đĩa nhỏ vẽ phượng:** đường kính miệng 13-15cm, đường kính đế 5.5-6cm và cao 2.5-3cm; thành đĩa vẽ 2-3 con phượng bay theo chiều kim đồng hồ, giữa lòng đĩa có chữ 日 (*Nhật*), 月 (*Nguyệt*), 壽 (*Thọ*)... Loại đĩa này có số lượng nhiều và đặc trưng cho dòng gốm Hizen phổ biến ở Việt Nam và Đông Nam Á giống như loại bát vẽ phượng đôi (Hình 20-21).

**Đĩa nhỏ vẽ hoa lá:** đường kính miệng 11-15cm và cao 2.5-3.2cm; thành đĩa vẽ các bông hoa thể hiện đơn giản bằng các chấm tròn màu xanh, thể hiện bông hoa cúc có cành hoa mảnh dài. Có khi lòng đĩa thể hiện hoa cúc thành một khóm với ba bông cúc nở căng tròn, thành đĩa thể hiện ba con cá bơi nổi đuôi nhau. Có khi thành và lòng đĩa chỉ thể hiện nhiều bông cúc mà không có cành lá. Có loại vẽ hình quả đào (Hình 22-25).

**Đĩa nhỏ vẽ phong cảnh:** vẽ hình núi đá, cây cỏ và chim...

Đĩa lớn có đường kính miệng 18.5-21cm, đường kính đế 10-11cm và cao 3-4cm; lòng rộng, thành giạt cấp hoặc cong tròn; lòng đĩa bố ô (phong cách Kraak) hình cánh sen hay nan quạt với 16 ô, 8 ô to và 8 ô nhỏ xen kẽ nhau, trong các ô nhỏ thường vẽ lư, đỉnh hay các đồ án ký hà, hoặc hoa hướng dương, trong các ô to thường vẽ hoa lá hoặc đề tài bát bửu kết hợp với chữ 萬 (*Vạn*); giữa lòng đĩa để tròn hoặc uốn gấp thành hình sao 6 cánh hoặc 8 cánh, trong lòng vẽ hoa mẫu đơn, mai, phượng, châu chấu; thành ngoài vẽ đơn giản hoa dây uốn lượn... Đáy đĩa thường để lại dấu con kê 4-5 mẫu, đây là đặc trưng phân định gốm Hizen với gốm Triều Tiên và gốm Trung Quốc<sup>24</sup>. Hoa văn trang trí tinh mỹ và giàu tính nghệ thuật sắp đặt mang nhiều ảnh hưởng gốm Trung Quốc (Hình 26-29). Nhiều tiêu bản vẽ theo phong cách Kraak như tiêu bản phát hiện trong mộ Mùng ở Hòa Bình (Hình 28) và Đại Làng (Hình 29). Tại các thương cảng Hội An, Nước Mặn đều phát hiện loại hình tương tự ở mộ Mùng, nhưng thành đĩa trang trí chim phượng<sup>25</sup>.

**Chén:** trong các công bố về gốm Hizen ở khu vực Đông Nam Á, ngoài thông tin về mảnh chén do Naho Shimizu tìm thấy năm 2007 ở Viên Chăn (CHDCND Lào)<sup>26</sup>, cho đến nay có công bố về 5 tiêu bản chén và 9 mảnh chén Hizen khai quật ở Thăng Long. Đây là những chiếc

chén có chân nhỏ, thân cong vát, miệng loe thẳng; xung quanh thân vẽ hoa cúc cách điệu, cũng có khi vẽ phong cảnh núi non, mây trời hoặc nhà cửa. Cuộc khai quật năm 2006 tại Hội An, cũng đã phát hiện một số tiêu bản chén.

**Bình:** số lượng rất ít, từng phát hiện tại Thăng Long, Hội An... Tại Thăng Long đã phát hiện 3 mảnh thân. Đây là những mảnh của một loại bình hình củ tỏi, thân bầu thon cao và cổ thắt nhỏ, chân đế rộng, quanh thân vẽ phong cảnh và hoa lá. Loại này cũng đã từng phát hiện tại khu mộ Mùòng qua các cuộc đào không chính thức. Ngoài ra ở Hội An còn phát hiện mảnh vỡ của nậm hình củ tỏi, lọ hoa.

**Hộp nhỏ:** tại Thăng Long đã phát hiện một số mảnh hộp. Đây là những mảnh của loại hộp nhỏ có nắp đậy với kiểu dáng cho thấy sự ảnh hưởng mạnh mẽ bởi loại hình tương tự thời Minh. Nhưng hoa văn mang đặc trưng chung của dòng gốm Hizen thế kỷ 17.

### 2.2. Gốm vẽ màu trên men

Bên cạnh dòng gốm men trắng vẽ lam được phát hiện với số lượng lớn và chủng loại đa dạng, dòng gốm vẽ màu trên men cũng là sản phẩm của hệ lò Hizen được ưa chuộng ở khu vực Đông Nam Á. Tuy nhiên, loại gốm cao cấp này chủ yếu được người Nhật Bản xuất khẩu đi châu Âu, chỉ có số lượng hạn chế bán sang khu vực Đông Nam Á. Những nghiên cứu gần đây của các chuyên gia gốm sứ Việt Nam đã phát hiện một bộ phận gốm vẽ màu trên men tại các di tích Thanh Hà, Nước Mặn, Đống Thếch, Thăng Long... và một số sưu tập tư nhân khác được lấy từ các cuộc đào không chính thức.

Trong mộ M7 ở khu mộ Đống Thếch, các nhà khảo cổ học đã phát hiện một chiếc đĩa sản xuất năm 1647, đường kính miệng 14.7cm và cao 1.5cm; đĩa men trắng, lòng vẽ hoa dây màu vàng tiếp nối nhau xen lẫn với 10 bông hoa 5 cánh có màu đỏ và lam, lòng đĩa vẽ con sóc màu vàng, đế vẽ chữ 萬曆 (*Vạn Lịch*) màu đỏ (Hình 30)<sup>27</sup>.

Tại Thăng Long, các nhà khảo cổ học cũng đã khai quật được một chiếc bát đường kính miệng 15cm và cao 8cm sản xuất thời kỳ 1650-1680. Bên ngoài phủ men xanh lam và vẽ hoa văn cúc dây màu vàng trên men; lòng bát men trắng, thành khắc chìm hình rồng, giữa lòng vẽ hoa lam dưới men<sup>28</sup>.

### 2.3. Đặc trưng gốm Hizen phát hiện ở Việt Nam

Gốm Hizen chịu ảnh hưởng sâu đậm của đồ sứ thời Minh của Trung Quốc về cả hình dáng và hoa văn trang trí. Hơn nữa, trên đáy và lòng đồ gốm Hizen thường ghi niên hiệu triều Minh. Do đó, việc phân biệt gốm Hizen và sứ Minh là công việc không hề dễ dàng, nhất là đối với các nhà nghiên cứu Việt Nam và Đông Nam Á. Hoạt động mô phỏng kiểu dáng, trang trí hoa văn và ghi niên hiệu nhà Minh, cho thấy người thợ gốm Hizen đã chủ động trong việc sao chép gốm Trung Quốc để đáp ứng nhu cầu cho một thị trường trong nước và khu vực vốn rất ưa chuộng gốm Trung Quốc mới bị bỏ ngỏ bởi chính sách Hải cấm. Trong nhiều di tích khảo cổ học ở Việt Nam, Lào, Campuchia, Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Philippines... đã đào được những đồ gốm Hizen xuất khẩu, nhưng không ít đã bị xếp nhầm sang đồ gốm Trung Quốc. Theo kết

qua nghiên cứu, đặc trưng gốm Hizen thường được nhận biết bởi hai yếu tố: cách ghi niên hiệu, nghệ thuật trang trí và kỹ thuật sản xuất.

Thông thường, niên hiệu khắc ghi trên đồ gốm hoặc vật liệu kiến trúc là những dòng sử liệu tuyệt đối cho niên đại di vật đó. Tuy nhiên, theo các nghiên cứu gần đây<sup>29</sup>, những niên hiệu ghi trên gốm Hizen chính là mắt xích quan trọng nhất để kết hợp với phẩm cấp đồ gốm và hoa văn trang trí trong việc phân biệt gốm Hizen với gốm Trung Quốc. Trên đáy và lòng đồ gốm Hizen thường có ghi các niên hiệu:

- 大明 (*Đại Minh*) quốc hiệu của nhà Minh từ năm 1368-1644;
- 宣明 (*Tuyên Minh*); 宣明年製 (*Tuyên Minh niên chế*) và 宣德年製 (*Tuyên Đức niên chế*) là niên hiệu 10 năm 1426-1435 của vua Minh Tuyên Tông (1398-1435);
- 大明成化年製 (*Đại Minh Thành Hóa niên chế*) là niên hiệu 23 năm 1465-1487 của vua Minh Hiến Tông (1447-1487);
- 大明嘉靖年製 (*Đại Minh Gia Tĩnh niên chế*) là niên hiệu 45 năm 1522-1567 của vua Minh Thế Tông (1507-1567);
- 萬曆 (*Vạn Lịch*) là niên hiệu 48 năm 1573-1620 của vua Minh Thần Tông (1563-1620)...

Những niên hiệu này đều sớm hơn rất nhiều (vài chục năm cho đến hơn một thế kỷ) so với phong cách hoa văn trang trí trên gốm. Hơn nữa, tự dạng chữ viết cho thấy sự thiếu chuyên nghiệp trong khi vẽ chữ. Sự thiếu chuyên nghiệp của những thợ gốm này vung về đến mức ghi cả hai niên hiệu của hai triều vua trên cùng một sản phẩm. Đó là trường hợp một chiếc bát phát hiện ở Lâm Đồng, lòng bát viết 大明成化年製 (*Đại Minh Thành Hóa niên chế*) còn đế bát viết 宣明年製 (*Tuyên Minh niên chế*) (Hình 14). Điều này có thể dẫn đến khẳng định, đây chính là những niên hiệu “mạo nhận” để nâng cao uy tín và giá trị sản phẩm.

Bên cạnh đồ gốm ghi niên hiệu, các cuộc điều tra và khai quật khảo cổ học đã tìm thấy nhiều đồ gốm Hizen, chủ yếu là đĩa, trong lòng vẽ chữ 日 (Nhật). Đây cũng là một đặc trưng riêng có của loại hình gốm Hizen. Ngoài ra, còn có các chữ 月 (*Nguyệt*), 壽 (*Thọ*)...

Về nghệ thuật trang trí hoa văn trên đồ gốm Hizen, các nghiên cứu đến nay đều cho rằng, gốm Hizen không chỉ bắt chước đơn giản theo nguyên mẫu gốm sứ Trung Quốc. Những người thợ gốm Nhật Bản thế kỷ 17 ở vùng tây bắc đảo Kyushu đã sáng tạo những phong cách riêng biệt như Ko-Imari, Kakiemon, Nabeshima... Những nét riêng biệt dễ nhận thấy nhất trên hoa văn gốm Hizen chính là các đồ án phong cảnh và hoa lá (hoa cúc, anh đào, lá đỏ...) được phóng tác một cách thanh thoát, uyển chuyển và mộc mạc (Hình 15), không mang tính chi tiết và cầu kỳ như trang trí trên đồ sứ thời Minh Thanh của Trung Quốc. Các đề tài trang trí gốm Hizen đơn giản, chỉ có rồng phượng, cảnh vật, chim thú, hoa lá và nhân vật... bằng men lam cobal có sắc trầm mà không tươi tắn như của Trung Quốc. Đặc biệt, tại một số địa điểm đã khai quật được một loạt đĩa nhỏ vẽ hoa cúc dưới dạng khóm hoa ở lòng bát, thành bát có ba con cá bơi theo chiều kim đồng hồ.

Về kỹ thuật, xương gốm Hizen làm bằng caolin luyện kỹ, xương xốp và có màu trắng đục;

men phủ toàn thân, có màu trắng đục mờ hay trắng phớt xanh; vành để được cạo men chống dính khi nung; đáy đĩa thường để lại dấu con kê 4-5 mẫu. Đây là những đặc trưng kỹ thuật để phân định gốm Hizen với gốm Triều Tiên và gốm Trung Quốc.

### 3. Tầm mức ảnh hưởng của gốm Hizen trong xã hội Việt Nam thế kỷ 17

Căn cứ theo tư liệu khảo cổ, có thể thấy rằng gốm Hizen ở miền Bắc mới chỉ phát hiện tập trung ở khu vực kinh thành Thăng Long, khu lăng mộ Lam Kinh là hai vùng cư trú và lăng tẩm thuộc phạm vi hoàng gia. Những đồ gốm này có thể nằm trong số 17,720 đồ gốm sứ Nhật Bản vua Lê Hy Tông (ở ngôi 1675-1705) đã mua từ một thương thuyền Đài Loan năm 1676 mà các tài liệu của Công ty Đông Ấn Hà Lan (VOC<sup>30</sup>) cho biết<sup>31</sup>. Gốm Hizen cũng phát hiện nhiều trong các khu mộ của các thủ lĩnh người Mường ở Hòa Bình. Các khu vực cư trú của bình dân chưa có phát hiện. Tại các khu vực thương cảng, cho đến nay mới chỉ phát hiện Hizen ở Phố Hiến, các địa điểm khác đều chưa có công bố. Như vậy, có thể thấy rằng, phạm vi phân bố của gốm Hizen ở miền Bắc tương đối phân tán, chỉ tập trung ở khu vực của hoàng gia, hoặc những khu vực chịu ảnh hưởng của triều đình nhà Lê. Bổ sung cho điều này, chúng ta thấy các tư liệu lưu trữ của VOC có đề cập nhiều đến việc đặt hàng của vua chúa Đàng Ngoài đối với gốm sứ Hizen<sup>32</sup>.

Trong khi đó, tình hình hoàn toàn trái ngược ở khu vực Trung bộ Việt Nam. Tại nhiều thương cảng dọc miền Trung, các nhà khảo cổ đã phát hiện ngày càng nhiều về số lượng và đa dạng về chủng loại tiêu bản và mảnh vỡ gốm Hizen. Tiêu biểu như tại các di tích có niên đại thế kỷ 17 trên một dải đất từ thành phố Hội An đến cửa sông Thu Bồn đều chắt chắt tìm được những mảnh gốm Hizen. Tại Thanh Hà, các thông tin khai quật cho biết 80% di vật gốm sứ thuộc dòng gốm Hizen<sup>33</sup>. Tình hình tại Nước Mặn cũng tương tự như Hội An và Thanh Hà. Điều này càng chứng minh rằng, vào nửa sau thế kỷ 17, gốm Hizen luôn chiếm tỷ lệ cao trong cơ cấu đồ gốm sứ gia dụng hàng ngày ở khu vực miền Trung Việt Nam. Hơn nữa, các địa điểm thương cảng phát hiện gốm Hizen cho thấy, đây không phải là sản phẩm do chính quyền đặc biệt đặt hàng để sử dụng trong đời sống hoàng cung hoặc làm quà tặng cho các khu vực chịu ảnh hưởng của triều đình Lê Trung Hưng; mà đây là sản phẩm tạm nhập vào thương cảng Đàng Trong và đang trên đường lan tỏa đến quảng đại các cộng đồng cư dân khác nhau.

Những thông tin khác biệt về địa điểm phát hiện và đối tượng sử dụng gốm Hizen ở hai khu vực Bắc bộ và Trung bộ Việt Nam đã cho thấy tầm mức ảnh hưởng khác nhau của loại đồ gốm ngoại nhập này ở hai khu vực trên. Rõ ràng sự khác biệt này có nguyên nhân cụ thể của nó.

Trước hết, cần giới thiệu thêm rằng thế kỷ 17 là một giai đoạn đặc thù trong lịch sử Việt Nam với sự tồn tại của hai thể chế chính trị ở hai miền. Tại Đàng Ngoài, chính quyền Lê-Trịnh nắm quyền kiểm soát vùng đất từ Nghệ An trở ra Bắc, vua Lê tại vị trên danh nghĩa, thực quyền đều nằm trong tay chúa Trịnh. ở Đàng Trong, chính quyền chúa Nguyễn kiểm soát vùng đất từ Quảng Bình đến Khánh Hòa. Cuộc chiến Trịnh-Nguyễn phân tranh (1627-1672) đã dẫn đến cục diện phân liệt Đàng Trong - Đàng Ngoài kéo dài hơn 100 năm sau đó với giới tuyến sông Gianh



(Quảng Bình). Trong thời gian chiến tranh này, từ Nghệ An đến Quảng Bình luôn là vùng chiến sự ác liệt giữa hai lực lượng, khiến cho các hoạt động giao lưu kinh tế - văn hóa giữa miền Bắc và miền Trung ngưng trệ. Đàng Trong và Đàng Ngoài tự tìm kiếm con đường phát triển riêng của mình trong mối quan hệ với các nước phương tây và các quốc gia trong khu vực.

Tại Đàng Ngoài, trên cơ sở nền kinh tế thủ công nghiệp phát triển, chúa Trịnh đã dần từng bước cho phép thương nhân nước ngoài được vào sâu trong nội trấn buôn bán thay vì phải dừng lại ở Vân Đồn như trước đây. Năm 1636, từ Hirado, VOC đưa thuyền Groll đến Đông Kinh, kí hiệp định thông thương với chúa Trịnh tại Vương phủ. Sau đó, chúa Trịnh cho phép Hà Lan lập thương quán ở Phố Hiến (1637) và Thăng Long (1645) với mục đích thu thêm lợi nhuận từ hoạt động buôn bán của người Hà Lan đồng thời nhận được sự hậu thuẫn của quân đội Hà Lan trong cuộc chiến với chúa Nguyễn ở Đàng Trong<sup>34</sup>. Còn người Hà Lan, tìm mọi cách để lợi dụng người Nhật vốn có từ trước ở Đàng Ngoài để thương lượng với chúa Trịnh và nắm giữ hoạt động buôn bán tại chỗ, cố gắng thu phục các cơ sở mậu dịch của Châu ấn thuyền vào tay mình<sup>35</sup>. Cùng với người Hà Lan, các thương điểm của Công ty Đông Ấn Anh cũng lần lượt được thiết lập ở Thăng Long (16??) và Phố Hiến (16??). Từ năm 1660, người ngoại quốc đã có thể cư trú ở Thăng Long<sup>36</sup>. Nhờ đó, nhiều sản phẩm thủ công nghiệp của Đàng Ngoài được xuất ra các nước trong khu vực Đông Nam Á, nhất là gốm sứ để khóa lấp khoảng trống gốm sứ Trung Quốc do chính sách Hải cấm tạo ra. Theo tư liệu của VOC, trong giai đoạn 1663-1681 có khoảng trên 1.628.340 đồ gốm thương mại Đàng Ngoài xuất khẩu sang thị trường Đông Nam Á (Bảng 1), chiếm khoảng 30% thị phần khu vực, trong khi đó Trung Quốc chiếm 36%, Nhật Bản 33% và Trung Cận Đông chiếm 1%. Trong đó, chỉ riêng hai năm 1669-1670 có 937.600 đồ gốm sứ Đàng Ngoài được thuyền Trung Quốc và VOC mang đi tiêu thụ ở thị trường Đông Nam Á<sup>37</sup>.

Bảng 1: Gốm sứ Đàng Ngoài xuất khẩu ra Đông Nam Á thời kỳ 1663-1681<sup>38</sup>

| TT  | Thời gian | Tên tàu   | Chủ tàu    | Điểm đến | Số lượng | Hàng hóa  |
|-----|-----------|-----------|------------|----------|----------|---|
| 1.  | 03-1663   | 1 thuyền  | -          | Batavia  | 10,000   | chén gốm sứ thô                                       |
| 2.  | 03-1664   | 2 thuyền  | -          | Batavia  | 120,000  | chén cỡ trung bình                                    |
| 3.  | 03-1666   | 2 thuyền  | -          | Batavia  | 60,000   | chén thô  |
| 4.  | 02-1667   | Zevenster | -          | Batavia  | 30,000   | chén thô  |
| 5.  | 05-1668   | 1 tàu     | -          | Batavia  | 40,000   | chén thô  |
| 6.  | 01-1669   | Overveen  | Hà Lan     | Batavia  | 381,200  | chén  |
| 7.  | 02-1669   | 1 thuyền  | Trung Quốc | Banten   |          | một số gốm sứ   |
| 8.  | 04-1669   | 1 thuyền  | Trung Quốc | Batavia  | 70,000   | chén  |
| 9.  | 11-1669   | Pitoor    | Hà Lan     | Batavia  | 177,240  | chén  |
| 10. | 02-1670   | 2 thuyền  | -          | Batavia  | 95,000   | chén loại thô   |
| 11. | 03-1670   | 1 thuyền  | Trung Quốc | Batavia  |          | chợ hàng gốm sứ thô của Đàng Ngoài                    |
| 12. | 11-1670   | Pitoor    | Hà Lan     | Batavia  | 214,160  | đồ gốm Đàng Ngoài trị giá 2.650 guilders 4,10 syuiver |

|             |         |           |            |          |                  |                                   |
|-------------|---------|-----------|------------|----------|------------------|-----------------------------------|
| 13.         | 04-1672 | 1 thuyền  | -          | Batavia  | 5,000            | cốc                               |
| 14.         | 02-1674 | 1 thuyền  | Trung Quốc | Xiêm     | 90,000           | chén                              |
| 15.         | 01-1675 | 1 thuyền  | Trung Quốc | Batavia  |                  | chờ hàng gốm sứ của Đàng Ngoài    |
| 16.         | 03-1675 | 1 thuyền  | -          | Batavia  | 30,000           | chén thô                          |
| 17.         | 07-1678 | 1 thuyền  | -          | Batavia  | 100,740          | tiêu bản và 8 sọt đồ gốm các loại |
| 18.         | 01-1680 | 1 thuyền  | -          | Batavia  | 85,000           | chén gốm thô                      |
| 19.         | 02-1680 | Advice    | Anh        | Banten   |                  | gốm sứ thô Đàng Ngoài             |
| 20.         | 02-1681 | Societeyt | Anh        | Anh      |                  | gốm sứ thô Đàng Ngoài             |
| 21.         | 1681    | 1 thuyền  | Trung Quốc | Batavia  | 120,000          | chén                              |
| <b>Tổng</b> |         | <b>24</b> | <b>3</b>   | <b>4</b> | <b>1,628,340</b> |                                   |

Ở Đàng Trong, chúa Nguyễn đã cho mở thương cảng Hội An nhằm đẩy mạnh quan hệ buôn bán với nước ngoài và tăng cường nguồn thu từ việc đánh thuế các thuyền buôn ngoại quốc<sup>39</sup>. Do vậy, ở Hội An đã hình thành nên các khu cư trú của ngoại kiều và chúa Nguyễn cũng có nhiều chính sách ưu đãi đối với họ. Đồng thời, chính quyền chúa Nguyễn đẩy mạnh quá trình “Nam tiến” để mở rộng lãnh thổ vào vùng đất mới ở đồng bằng sông Cửu Long. Đến cuối thế kỷ 17 và đầu thế kỷ 18, chính quyền Đàng Trong đã hoàn thành quá trình khai mở quốc thổ ở phương Nam.

Trên một phương diện khác, vào thế kỷ 17, tại khu vực miền Bắc Việt Nam, các khu lò gốm Hạp Lễ, Cậy, Láo (huyện Cẩm Bình tỉnh Hải Dương) hay gốm Xích Đằng (Phố Hiến tỉnh Hưng Yên) hoặc gốm Bát Tràng (huyện Gia Lâm thành phố Hà Nội)... vẫn đang sản xuất phục vụ trong nước và xuất khẩu gốm hoa lam có truyền thống và uy tín trong khu vực. Đặc biệt, có lò chuyên sản xuất gốm sứ chất lượng thông thường phục vụ đời sống thường nhật. Do đó, sự xâm nhập của loại hình đồ gốm men trắng vẽ lam cao cấp<sup>40</sup> tương tự như gốm Hizen vào thị trường này cũng không phải dễ dàng. Hơn nữa, sự phân biệt quý tiện này là chính sách truyền thống của triều đình. Năm 1661, nhà Lê ban *Quốc triều chiếu lệnh thiện chính*, cấm “làm và bán riêng những đồ dùng vẽ rồng, lân, phượng dành riêng cho nhà vua”, “về phần sản xuất những đồ dùng, cần phải làm và bán theo địa vị của từng người” và “những Nho sĩ, chức sắc, sinh đồ, lý trưởng và kỳ mục, con và cháu các quan, cũng như thường dân thì phải dùng bát đĩa nội hóa”<sup>41</sup>. Do vậy, ở Đàng Ngoài dường như gốm Hizen chỉ đáp ứng được thị hiếu LẠ của tầng lớp vua chúa cho cuộc sống cao sang trong cung đình và làm quà tặng, nhất là quà tặng cho các tù trưởng dân tộc miền núi như ở khu mộ Mường ở Đống Thếch. Thường là loại gốm Hizen trang trí rồng, phượng... Những phát hiện về gốm sứ Trung Quốc và Hizen ở Đàng Ngoài chỉ ra rằng, ở Hoàng cung Thăng Long ưa chuộng dùng gốm chất lượng cao nhập khẩu từ bên ngoài nhiều hơn là sử dụng đồ gốm nội địa sản xuất bởi các lò dân gian<sup>42</sup>.

Bên cạnh đó, chính sách ngoại giao và ngoại thương của chính quyền Đại Việt ở Đàng Ngoài không phải thuận lợi cho gốm Hizen có điều kiện thâm nhập sâu vào thị trường. Từ đầu thế kỷ 15, chính quyền Lê Sơ đã quy định, bất kể là thương nhân hay người truyền giáo, nhà

ngoại giao hay thuyền nhân nước khác... đều không được tự ý đi vào bốn kinh lộ Hải Dương, Kinh Bắc, Sơn Tây và Sơn Nam, phải tùy theo vị trí mà vào một trong chín thương cảng khu vực Bắc bộ và Bắc Trung bộ do nhà nước quản lý. Điều này được nhà địa lý học nổi tiếng Nguyễn Trãi (1380-1442) đề cập đến trong Dư địa chí: “Toàn bộ người ngoại quốc không được tự tiện vào trong nội trấn, tất cả đều phải ở Vân Đồn, Vạn Ninh, Cần Hải, Hội Thống, Hội Triều, Thông Lĩnh, Phú Lương, Tam Kỳ, Trúc Hoa”<sup>43</sup>. Chính sách này có lẽ đã kéo dài hàng thế kỷ, người ngoại quốc cho đến tận năm 1660 mới được phép cư trú ở Thăng Long. Vì vậy, việc lưu thông sản phẩm gốm sứ ngoại quốc như gốm Hizen ở một vùng có truyền thống sản xuất gốm sứ lại càng trở nên khó khăn.

Cùng trong bối cảnh ấy, chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong đã có chính sách cởi mở hơn đối với hoạt động của người nước ngoài, trong đó có các thương nhân. Nhất là các hoạt động buôn bán gốm sứ được ủng hộ nhằm đáp ứng một nhu cầu thực tế của khu vực vốn không có truyền thống lâu dài trong sản xuất gốm sứ. Đến khoảng giữa thế kỷ 17 khu vực này đã lưu thông các loại bát, đĩa có vẽ hình rồng hay hình chim phượng hoàng<sup>44</sup> thay thế cho nguồn hàng Trung Quốc và gốm sứ miền Bắc. Qua các di tích phát hiện gốm Hizen ở khu vực miền Trung cho thấy, sự hiện diện phổ biến của gốm Hizen trong đời sống hàng ngày. Cuộc chiến tranh Trịnh-Nguyễn diễn ra thường xuyên, gây ra khó khăn cho quan hệ giao lưu kinh tế Đàng Ngoài và Đàng Trong, trong đó có mặt hàng thiết yếu hàng ngày là gốm sứ. Do đó, giai đoạn này gốm sứ miền Bắc gần như vắng bóng trong các di tích của khu vực miền Trung. Các cuộc khai quật ở Hội An hoàn toàn không thấy có gốm sứ hoa lam trong số gốm sứ Việt Nam là điều dễ hiểu. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy quá nửa những dụng cụ bảo quản thức ăn và nấu ăn là đồ sành miền Trung trong khi đó sản phẩm sành miền Bắc chỉ xuất hiện rất hạn hữu<sup>45</sup>.

Sự có mặt của gốm sứ Trung Quốc và Nhật Bản ở khu vực miền Trung cho thấy chính sách ngoại thương tích cực của chính quyền chúa Nguyễn. Đại Nam thực lục cho biết: “Bấy giờ Chúa ở trấn hơn 10 năm, chính sự rộng rãi, quân lệnh nghiêm trang, nhân dân đều an cư lạc nghiệp, chợ không hai giá, không có trộm cướp. **Thuyền buôn các nước đến nhiều.** Trấn trở nên một nơi đô hội lớn”<sup>46</sup>. Trong bối cảnh đó, các Châu ấn thuyền của Nhật Bản cũng tìm đến buôn bán và trong số các quốc gia Đông Nam Á thì số lượng thuyền buôn được phái đến các cảng thương mại thuộc sự quản lý của chúa Nguyễn là nhiều nhất<sup>47</sup>. Các cảng Đàng Trong nằm ở gần vùng núi nơi có quế, trầm hương, hồ tiêu, đường, yến sào, vàng, voi, hươu, tê giác... là những sản vật được các thương nhân nước ngoài ưa chuộng. Đồng thời, chính quyền Nguyễn còn thực thi những chính sách ưu đãi như “Ngoại trị pháp quyền” đối với người nước ngoài nên thương thuyền quốc tế đã hội tụ về đây để buôn bán. Điều đáng chú ý là, ở Đàng Trong không phải chỉ đến nửa sau thế kỷ 17 mà từ thế kỷ 16 cho đến cuối thế kỷ 18 người ta vẫn sử dụng nhiều sản phẩm nước ngoài. Những di vật gốm sứ Trung Quốc và Nhật Bản phát hiện ở khu vực Hội An đã chứng minh điều này<sup>48</sup>.

#### 4. Quan hệ Việt Nam - Nhật Bản thế kỷ 17 qua tài liệu gốm Hizen

##### 4.1. Nghịch lý 1, thời kỳ Châu ấn thuyền: gốm Hizen chưa sang Việt Nam

Cuối thế kỷ 15 đầu thế kỷ 16, những phát kiến địa lý của châu Âu đã mở rộng và phát huy hơn nữa vai trò của *Con đường tơ lụa trên biển* có từ đầu Công nguyên. Các cường quốc biển như Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Hà Lan, Anh, Pháp... lần lượt thống trị hoạt động buôn bán Á-Âu, từ đó tạo nên bối cảnh nhộn nhịp chưa từng có trong quan hệ hải thương ở khu vực Đông Nam Á<sup>49</sup>.

Trong bối cảnh ấy, Nhật Bản đã chủ động và tích cực tham gia mạng lưới hải thương Á-Âu bằng chính sách Châu ấn thuyền của Mạc phủ Tokugawa. Châu ấn thuyền (朱印船 / *Shuinsen*) là loại thuyền buồm (thuyền mảnh) thương mại có trang bị vũ trang và được cấp giấy phép thông hành của chính quyền Mạc phủ đóng dấu đỏ để đi buôn bán với các nước. Với chế độ này, chỉ những tàu nào có mang giấp phép đóng dấu đỏ của Mạc phủ mới được phép đi ra nước ngoài buôn bán. Các tàu nước ngoài muốn đến Nhật để buôn bán cũng cần phải có giấy phép của Mạc phủ Tokugawa. Qua đó, chính quyền Mạc phủ Tokugawa muốn bảo đảm an toàn cho các tàu buôn của Nhật và nước ngoài, tránh khỏi nạn cướp biển, cũng như xác lập uy quyền của mình.

Trong tổng số 356 thuyền của thời kỳ *Châu ấn thuyền* (1604-1635) có 122 thuyền (34%) được phép đến Việt Nam, trong đó có 47 thuyền đến Đàng Ngoài và 75 thuyền đến Đàng Trong<sup>50</sup>. Số Châu ấn thuyền có thể còn nhiều hơn thực tế bởi nạn thuyền lậu. Theo bức thư Mạc phủ Tokugawa gửi chúa Nguyễn năm 1601 đã xác nhận điều này, trong thư viết “thuyền bè của nước chúng tôi, khi đến đất nước của các ngài, từ nay cần phải có ấn thư này. Cần có chứng cứ cần thiết. Những thuyền bè không có ấn này thì không được cho vào”<sup>51</sup>.

Thông qua các lái buôn, chúa Trịnh và chúa Nguyễn đều có thư từ trao đổi với Mạc phủ Tokugawa nhằm tăng cường quan hệ buôn bán giữa hai bên. Năm 1619, chúa Nguyễn Phúc Nguyên còn gả công chúa Ngọc Vạn cho Araki Sutaro và nhận nhà buôn này vào dòng họ quý tộc với cái tên Nguyễn Taro<sup>52</sup>. Trong thời kỳ này, kim ngạch buôn bán Nhật Bản và Đại Việt chiếm 10% quan hệ ngoại thương của Nhật Bản. Người Nhật mang đến Đại Việt bạc, đồng, khí giới và mua về tơ tằm, hương liệu, đường và gốm sứ với tổng lượng hàng hóa trao đổi hai chiều khoảng 860 tấn<sup>53</sup> (Hình 31). Tuy nhiên, trong số hàng hóa này, **hoàn toàn chưa có gốm Hizen của Nhật Bản.**

Như vậy, cuối thế kỷ 16 đầu thế kỷ 17, cùng với sự củng cố của chính quyền Mạc phủ, chính sách mở cửa của hai bên đã tạo điều kiện cho mối quan hệ giao lưu kinh tế văn hóa giữa Nhật Bản và Việt Nam ngày càng phát triển. Cũng theo các tài liệu lưu trữ tại Nhật Bản và tư liệu điều tra khảo sát địa phương, trong thời kỳ Châu ấn thuyền người Nhật Bản đã từng đến làm ăn buôn bán, sinh sống, lập gia đình, sinh hoạt tôn giáo Phật giáo và cả đắm tàu... ở Việt Nam. Những tư liệu về quan lại nhà Lê thư từ qua lại với người Nhật, tàu Nhật Bản đắm ở cửa Hội Thống (Hà Tĩnh) năm 1610, một người phụ nữ trên tàu đó được quan Trần Tịnh nhận làm con nuôi và gả cho Nguyễn Như Thạch làm thứ thất<sup>54</sup>; tư liệu về người Nhật, phố Nhật và mộ người

Nhật ở Hội An; tư liệu về sự đóng góp của người Nhật ở chùa Non Nước<sup>55</sup>... là những bằng chứng vật chất minh chứng cho quan hệ giao lưu kinh tế và văn hóa Việt-Nhật thời kỳ này.

Theo sách *Dị quốc vãng lai nhật ký*, có ghi một bức thư của Đoan quận công Nguyễn Hoàng gửi Mạc phủ Tokugawa đề ngày 5 tháng 5 năm Hoàng Định thứ 2 (1601). Trong thư, Nguyễn Hoàng thanh minh với Tokugawa về sự kiện thủy quân của chúa Nguyễn đã tấn công nhằm vào tàu buôn của thương nhân Nhật tên là Bạch Tần Hiến Quý vào năm 1585. Sự kiện này cũng được nhắc đến trong *Đại Nam thực lục*<sup>56</sup>. Như vậy, tàu buôn Bạch Tần Hiến Quý đã thường xuyên đến Đàng Trong để buôn bán từ trước năm 1585. Sử dụng các nguồn sử liệu Nhật Bản, Noel Peri cũng đã từng chứng minh vào năm 1583 đã có một tàu Nhật Bản đến khu vực Đà Nẵng. Từ năm 1592, thuyền buôn của hai thương nhân Nhật Bản là Suetsugu và Funamoto đã đến Hội An. Năm 1636, chúa Nguyễn cho phép Hà Lan lập thương điểm ở Hội An<sup>57</sup>.

#### 4.2. Nghịch lý 2, thời kỳ Tỏa quốc: gồm Hizen tràn ngập Việt Nam

Từ sau thập niên 1630, những biến loạn chính trị của đại lục Trung Hoa đã dẫn đến sự tàn phá nghiêm trọng đối với ngành sản xuất gốm sứ nước này, nhất là trung tâm gốm sứ Cảnh Đức Trấn. Tạo nên hiện tượng gốm sứ Trung Quốc chất lượng cao thiếu hụt trầm trọng và hầu như không còn giao dịch trên thị trường quốc tế sau năm 1647. Trước nhu cầu ngày một bức thiết về mặt hàng gốm sứ, các công ty Đông Ấn Hà Lan đã chuyển hướng buôn bán gốm sứ của Trung Quốc sang các nước Đông Á và Đông Nam Á.

Năm 1609, hai thương thuyền VOC đã đến Hirado và được chính quyền Tokugawa Ieyasu cấp giấy phép đi biển. Năm 1610, VOC đặt thủ phủ hành chính tối cao ở Bantam (Java). Năm 1641, người Hà Lan đã đặt thương điểm VOC ở Dejima (Nagasaki). Đồng thời VOC cũng mở thương điểm ở Zeelandia (Đài Loan) và Batavia (Indonesia). Những thương điểm này đã góp phần mở rộng quan hệ hải thương của người Hà Lan giữa Đài Loan, Nhật Bản với các nước Đông Nam Á<sup>58</sup>.

Nhưng cũng trong thời gian này (1639-1653), chính quyền Mạc phủ Tokugawa thời Tokugawa Iemitsu đã ban hành và thực hiện chính sách đối ngoại đặc biệt có tên Tỏa quốc (鎖国 / *Sakoku*), với nội dung căn bản: không người nước ngoài nào được vào Nhật Bản hay người Nhật Bản được ra nước ngoài; kẻ vi phạm phải chịu án tử hình. Việc làm ăn buôn bán của thương thuyền Nhật Bản đã chấm dứt ở Việt Nam và khu vực Đông Nam Á. Chỉ có các công ty Đông Ấn Hà Lan được đặt thương điểm ở Dejima (Nagasaki) và làm ăn buôn bán như người Trung Quốc ở đây. Nhờ hoạt động hải thương của người Trung Quốc và Hà Lan, nhiều mặt hàng của Nhật Bản vẫn được xuất khẩu ra ngoài và có mặt ở các nước Đông Nam Á, đặc biệt là đồ gốm Hizen được sản xuất từ giữa đến nửa sau thế kỷ 17. Trong bối cảnh đó, có thể cho rằng, **gốm Hizen đã được chấp nhận là sản phẩm thay thế gốm sứ Trung Quốc đang gặp nhiều khó khăn trong việc xuất khẩu** sang Đông Nam Á và Việt Nam<sup>59</sup>.

Năm 1647, gốm Hizen bắt đầu xuất khẩu gồm các loại: đĩa sứ màu có hoa văn phượng

hoàng và chữ 日 (*Nhật*), bát ăn com và bát to hoa văn núi đá hoang vu, đĩa hoa văn phượng hoàng và chữ 壽 (*Thọ*), đĩa sứ xanh lớn, đĩa sứ màu hoa văn cảnh phù dung... Theo một số nguồn tài liệu ghi chép của Hà Lan, năm 1647 một chiếc thuyền Trung Quốc đã chở 174 hòm gốm thô từ Nagasaki đã ghé qua Thái Lan rồi đến Campuchia. Sau đó, tháng 10 năm 1650, một chiếc thuyền Hà Lan là Witte Valk cũng đã chở 145 đờ gốm thô từ cảng Nagasaki đến thương quán Hà Lan ở Đông Kinh. Đó có thể là sứ Hizen của Nhật Bản<sup>60</sup>. Thời kỳ 1650-1681, có 35 tàu Hà Lan, Trung Quốc và Đài Loan chuyên chở gốm Hizen cung cấp cho thị trường Việt Nam. Hoạt động này kết thúc vào năm 1690<sup>61</sup>.

Theo tư liệu lưu trữ của VOC, thời kỳ 1650-1681, có hơn 112.847 đờ gốm Nhật Bản xuất khẩu sang Đàng Ngoài (Bảng 3). Trong đó, có khoảng 14.215 đờ sứ Nhật Bản do tàu của VOC vận chuyển đến thương điểm Hà Lan ở Kê Chợ. Nhiều nhất là bát, chiếm gần một nửa; sau đó là các sản phẩm đĩa, chén, bình lọ... nhất là có những đờ do vua chúa Đại Việt đặt hàng. Còn lại, gốm Hizen đến Đại Việt đều do Hoa thương. Theo các tài liệu của Công ty Đông Ấn Hà Lan (VOC) cho biết vào năm 1676, một thuyền Đài Loan chở đến Thăng Long 96.610 đờ gốm Nhật Bản, trong đó vua Lê Hy Tông đã mua 17.720 đờ gốm, quan Tổng trấn mua 10.045 món đờ (Bảng 2).

Bảng 2: Tương quan số lượng và loại hình đờ gốm Hizen thuyền Đài Loan chở cùng số lượng và loại hình vua Lê và quan Tổng trấn mua<sup>62</sup>

| TT             | Sản phẩm              | Tổng số       | Vua Lê mua    | Quan Tổng trấn mua |
|----------------|-----------------------|---------------|---------------|--------------------|
| 1.             | Ấm trà                | 500           |               |                    |
| 2.             | Bát cỡ lớn            | 2,000         |               |                    |
| 3.             | Bình                  |               |               | 40                 |
| 4.             | Bình có quai          |               | 10            |                    |
| 5.             | Chén trà              |               | 200           |                    |
| 6.             | Chén uống rượu nhỏ    | 4,800         | 1,000         | 400                |
| 7.             | Cốc                   | 32,000        |               | 5,000              |
| 8.             | Cốc các loại          | 17,400        |               |                    |
| 9.             | Cốc gốm thô           |               | 500           |                    |
| 10.            | Cốc loại nhỏ hơn      |               | 2,000         | 1,000              |
| 11.            | Cốc vẽ rồng           |               | 7,000         |                    |
| 12.            | Đĩa                   | 39,900        | 7,000         |                    |
| 13.            | Đĩa dùng cho tiệc trà |               |               | 3,000              |
| 14.            | Đĩa lớn               | 10            | 10            | 5                  |
| 15.            | Đĩa vẽ rồng           |               |               | 600                |
| <b>Tổng số</b> |                       | <b>96,610</b> | <b>17,720</b> | <b>10,045</b>      |

Bảng 3: Gốm sứ nước ngoài nhập khẩu vào Đàng Ngoài thời kỳ 1637-1681<sup>63</sup>

| TT  | Thời gian | Tên tàu            | Chủ tàu    | Điểm đi    | Số lượng | Hàng hóa  |
|-----|-----------|--------------------|------------|------------|----------|---|
| 1.  | 07-1637   | Grol               | Hà Lan     | Đài Loan   | 85       | đồ gốm sứ cao cấp làm mẫu   |
| 2.  | 12-1644   | 1 thuyền           | Trung Quốc | -          |          | một số đồ sứ  |
| 3.  | 02-1645   | 1 tàu              | Bồ Đào Nha | -          |          | một số gốm sứ   |
| 4.  | 05-1645   | <i>Iquan</i>       | -          | -          |          | một số lượng lớn gốm sứ   |
| 5.  | 11-1647   | <i>Witte Valk</i>  | Hà Lan     | Đài Loan   | 260      | đồ gốm thô, bát và đĩa, trị giá 16 guilders   |
| 6.  | 10-1650   | <i>Witte Valk</i>  | Hà Lan     | Nhật Bản   | 145      | tiêu bản gốm  |
| 7.  | 10-1651   | <i>Kampen</i>      | Hà Lan     | Nhật Bản   | 176      | tiêu bản gồm đĩa, lọ  |
| 8.  | 06-1653   | 1 thuyền           | -          | Batavia    |          | bát ăn com trị giá 105 rials  |
| 9.  | 1655      | 8 thuyền           | -          | -          |          | các thuyền này đến từ Batavia, Malina, Macao với "rất nhiều đồ gốm sứ"  |
| 10. | 1662      | 3 tàu              | Hà Lan     | Batavia    |          | mang theo đồ gốm sứ lạ mắt  |
| 11. | 1663      | 1 tàu              | Hà Lan     | Nhật Bản   |          | một số gốm sứ   |
| 12. | 12-1663   | <i>Hoogelande</i>  | Hà Lan     | Batavia    | 1,000    | đồ sứ Nhật Bản cho chúa Trịnh   |
| 13. | 10-1664   | <i>Spreeuw</i>     | Hà Lan     | Batavia    |          | một số gốm sứ   |
| 14. | 10-1665   | <i>Spreeuw</i>     | Hà Lan     | Nhật Bản   | 8,860    | đồ sứ Nhật Bản, bao gồm 5,000 bát ăn com và 3,860 đĩa loại tốt  |
| 15. | 1667      | <i>Overveen</i>    | Hà Lan     | Nhật Bản   |          | 1 thùng đồ sứ không phân loại   |
| 16. | 10-1668   | <i>Overveen</i>    | Hà Lan     | Nhật Bản   | 675      | tiêu bản sứ Nhật Bản, gồm 30 đĩa to, 200 đĩa ăn loại tốt, 200 đĩa trà, 4 lọ đựng dầu ăn/dấm, 30 đĩa nhỏ loại tốt, 4 lọ mustard 4 lọ muối, 3 ấm trà nhỏ                        |
| 17. | 10-1669   | <i>Eendracht</i>   | Hà Lan     | -          | 164      | tiêu bản sứ Nhật Bản, gồm 20 đĩa to, 20 đĩa cỡ trung bình, 100 đĩa ăn loại tốt, 4 lọ dầu/dấm  |
| 18. | 06-1672   | <i>Meliskercke</i> | Hà Lan     | Batavia    | 1,450    | 1 hòm sứ Nhật Bản, khoảng 1,450 tiêu bản  |
| 19. | 05-1674   | <i>Papegay</i>     | Hà Lan     | Batavia    |          | 5 bọc rom đựng sứ Nhật Bản  |
| 20. | 05-1675   | <i>Experiment</i>  | Hà Lan     | Batavia    | 117      | 6 bọc rom đựng 117 đồ sứ Nhật Bản   |
| 21. | 02-1676   | 2 thuyền           | Trung Quốc | Nhật Bản   |          | chó bạc, tiền mặt và đồ sứ Nhật Bản   |
| 22. | 1676      | 1 thuyền           | Trung Quốc | Trung Quốc |          | 400 bọc cốc vẽ rồng, 200 bọc tương tự loại nhỏ hơn, 200 bọc đĩa, 50 bọc bình gốm, 20 bọc bình loại nhỏ hơn, 10 bọc hũ đựng rượu nhỏ màu trắng, 20 bọc chén uống rượu loại nhỏ |
| 23. | 1676      | 1 thuyền           | Đài Loan   | Nhật Bản   | 96,610   | 32,000 cốc, 17,400 cốc các loại, 39,900 đĩa, 4,800 chén uống rượu nhỏ, 500 ấm trà, 2,000 bát cỡ lớn và 10 đĩa lớn   |
| 24. | 05-1676   | <i>Janskercke</i>  | Hà Lan     | Batavia    | 87       | tiêu bản sứ Nhật Bản  |
| 25. | 05-1677   | <i>Experiment</i>  | Hà Lan     | Batavia    | 108      | tiêu bản sứ Nhật Bản  |
| 26. | 1678      | -                  | -          | -          | 110      | 50 ấm pha trà làm từ loại sứ cao cấp và 60 bình sứ nhỏ làm theo mô hình đặt hàng  |
| 27. | 07-1680   | <i>Croonvogel</i>  | Hà Lan     | Batavia    | 3,000    | tiêu bản sứ Nhật Bản, gồm 1,000 bát ăn com cỡ trung bình, 2,000 đĩa trà   |

|             |           |                   |            |          |                |  |
|-------------|-----------|-------------------|------------|----------|----------------|--|
| 28.         | 02-1681   | 1 thuyền          | Trung Quốc | Nhật Bản |                | 5 bọc rom đựng đĩa vẽ hình cỡ nhỏ, 1 bọc đựng ấm trà màu trắng, 150 bọc đựng bát ăn com vẽ hình, 170 bọc với các loại đĩa tương tự, 100 bọc đựng bình rượu có tay cầm loại nhỏ, 20 bọc bát loại thường, 1 bọc tương tự đựng chén uống rượu, 30 lọ vẽ hình "vốn dùng đựng nước hoa bên trong như đồ hiến tế". Quà biếu chúa: 10 bình rượu có tay cầm loại nhỏ, quà tặng quan Tổng trấn: 5 bình rượu có tay cầm loại nhỏ |
| 29.         | 03-1881   | 1 thuyền          | Trung Quốc | Nhật Bản |                | 200 bọc rom đựng cốc vẽ hình, 25 bọc chứa bình rượu có tay cầm loại thường, hai kiện chứa các hàng lật vật như hình chim, sư tử... 105 bọc đĩa vẽ cá, 8 bọc bình rượu có tay cầm cỡ nhỏ, quà tặng cho quan Tổng trấn là 5 bình rượu có tay cầm nhỏ   |
| 30.         | 07-1681   | <i>Croonvogel</i> | Hà Lan     | Batavia  |                | bình và ấm trà (Nhật Bản) cho chúa   |
| <b>Tổng</b> | <b>40</b> | <b>4</b>          | <b>4</b>   | <b>4</b> | <b>112,847</b> |  |

Trong một số lô hàng còn ghi chép tỉ mỉ về một số loại gốm quý dùng làm quà biếu Chúa và quan Tổng trấn, như bình rượu có tay cầm, bình trà hoặc ấm trà. Tư liệu VOC cũng cho biết, chúa Trịnh Căn và thế tử Trịnh Tạc đặt hàng người Nhật Bản sản xuất gốm theo mẫu bằng gỗ thông qua thương Hà Lan. Mặt hàng chúa Trịnh đặt chủ yếu là bình vẽ hoa dáng cao và thon, bát ăn com cỡ trung bình, đĩa trà, bình trà, chén và lọ với số lượng không nhiều. Những món đồ này đã được phát hiện phần nào tại khu di tích Tràng Tiền Plaza<sup>64</sup>. Điều này lý giải cho sự tồn tại một số lượng đáng kể gốm Hizen ở khu vực Hoàng cung Thăng Long (Bảng 4).

Bảng 4: Phủ Chúa Trịnh đặt hàng sứ Nhật Bản qua người Hà Lan thời kỳ 1666-1681<sup>65</sup>

| TT  | Thời gian | Nội dung đơn hàng  |
|-----|-----------|--|
| 1.  | 03-1666   | Thế tử (Trịnh Căn) đặt hàng 50 bình vẽ hoa từ Nhật Bản dáng cao và thon  |
| 2.  | 1668      | Batavia yêu cầu (thương điểm Deshima tại Nhật) đặt hàng gốm sứ cho Đàng Ngoài và nhiều nơi khác                |
| 3.  | 11-1669   | Thương điểm Deshima nhờ Otona [quan tại Nagasaki] đặt làm 30 bình gốm Nhật cho Đàng Ngoài                      |
| 4.  | 1670      | Chúa Trịnh yêu cầu người Hà Lan đặt hàng tại Nhật Bản 30 bình gốm theo mẫu [gỗ] gửi kèm                        |
| 5.  | 01-1672   | Thương điểm Deshima nhận được 4 mẫu gỗ để đặt hàng chén và lọ cho Đàng Ngoài                                   |
| 6.  | 02-1673   | Những mẫu gỗ Đàng Ngoài gửi sang Deshima để đặt bình bị thất lạc trong vụ đắm tàu <i>Cuylenburgh</i>           |
| 7.  | 03-1673   | Chúa Trịnh [Tạc] yêu cầu thương điểm Deshima đặt hàng hoặc mua bình cỡ bé                                      |
| 8.  | 06-1673   | Mô hình gỗ để đặt bình cho chúa Trịnh [Tạc] lại được gửi sang Nhật Bản   |
| 9.  | 1678      | Đàng ngoài yêu cầu [thương điểm Deshima] 1,000 bát ăn com cỡ trung bình và 2,000 đĩa trà chất lượng trung bình |
| 10. | 06-1681   | Giao 6,000 đồ sứ Nhật Bản cho Chúa   |
| 11. | 06-1681   | Bình và ấm trà Nhật đặt hàng 2 năm trước được gửi sang Đàng ngoài  |

Trong thời kỳ 1650-1665, bằng hoạt động buôn bán gốm Hizen sang Đông Nam Á và châu Âu, VOC đã thu được lợi nhuận đáng kể. Nhưng sau đó hoạt động này cũng sớm chậm lại vào năm 1665 do giá nhập khẩu gốm Hizen ở Nhật quá cao<sup>66</sup>. Đặc biệt, đến những năm 1670, do sự tái xuất của đồ gốm Trung Quốc, gốm Hizen giá cao dần dần bị mất thị trường Đông Nam Á, thay thế vào đó là gốm Đàng Ngoài. Từ sau 1683, sau khi nhà Thanh bình định được Đài Loan



và chính sách Hải cấm được khai thông, việc buôn bán gốm Hizen và gốm Đàng Ngoài mất dần vai trò lịch sử trong hệ thống thương mại châu Á do không đủ sức cạnh tranh với đồ gốm Trung Quốc chất lượng cao mà giá thành không đắt.

Cuộc chiến tranh Trịnh-Nguyễn dẫn đến thái độ lạnh nhạt của chúa Trịnh đối với thương nhân, cũng như sự thiếu phát đạt trong làm ăn dẫn đến sự đóng cửa của các thương điểm Anh (1697) và Hà Lan (1700) ở Thăng Long và Phố Hiến. Dẫn đến sự chấm dứt hoàn toàn hoạt động xuất khẩu gốm sứ của Nhật Bản và Việt Nam trên thị trường quốc tế và Đông Nam Á.

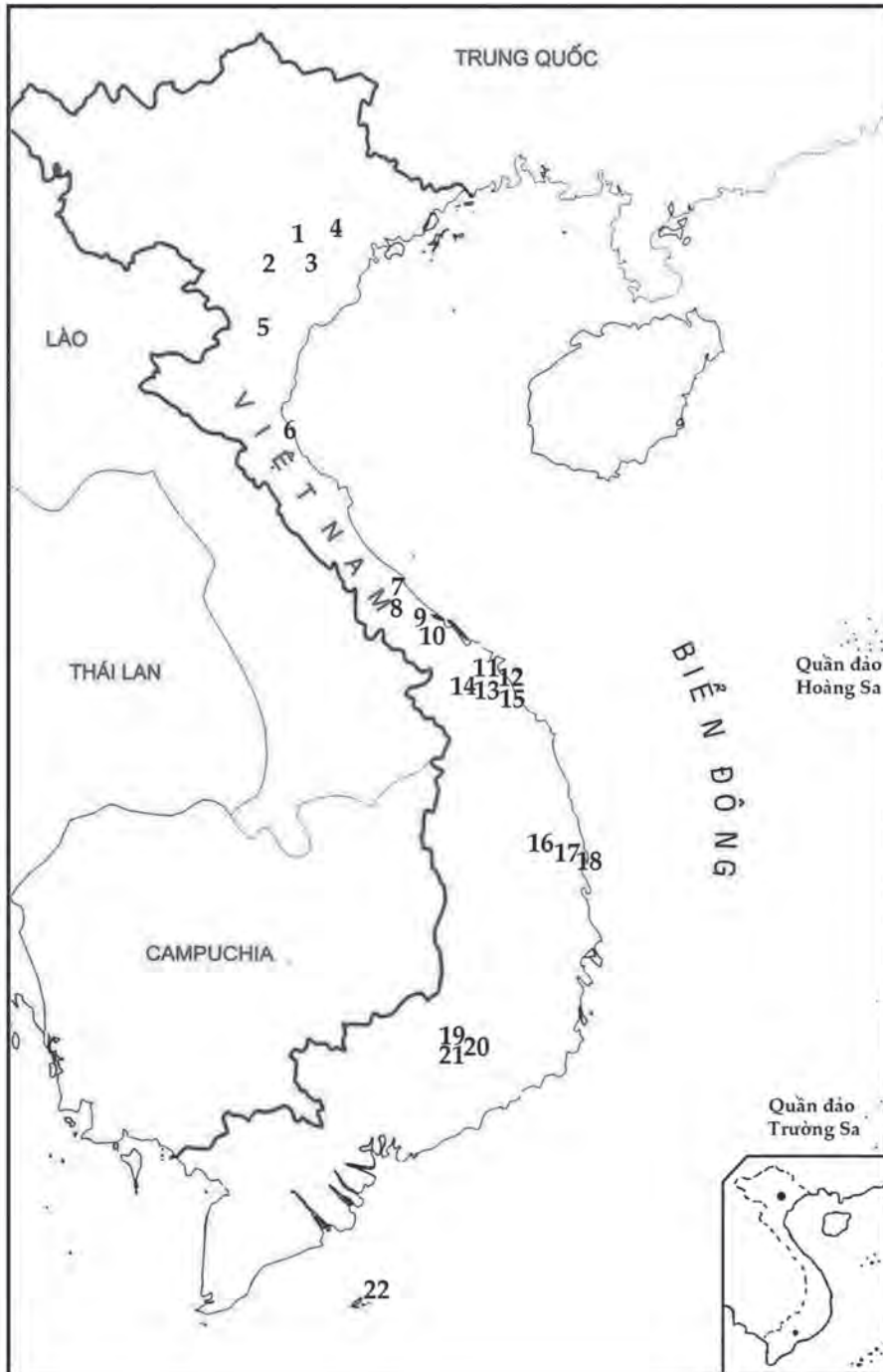
## 5. Kết luận

5.1. Muộn nhất đến năm 1647, những đồ gốm xuất khẩu đầu tiên của Hizen đã có mặt ở Đàng Ngoài. Có hai dữ kiện quan trọng chứng minh điều này. Một là theo tư liệu lưu trữ của các công ty Đông Ấn Hà Lan. Hai là ngôi mộ 84.ĐT.M3 của Đinh Văn Ký chết năm 1647 đã phát hiện đồ tùy táng có một bát gốm Hizen vẽ sóng nước và mây. Điều này phá vỡ quan điểm của Ohashi Koji, một chuyên gia có nhiều đóng góp lớn trong việc nghiên cứu gốm Hizen, khi ông cho loại bát Hizen có hình hoa văn sóng nước bắt đầu được sản xuất từ sau năm 1655<sup>67</sup>.

Mặc dù mới “nhập khẩu” kỹ thuật sản xuất gốm từ bán đảo Triều Tiên khoảng 50 năm, đến giữa thế kỷ 17, gốm Hizen nhanh chóng thay thế cho gốm Trung Quốc cả thị trường trong nước và thị trường quốc tế bởi chính sách Hải cấm và tình hình biến loạn ở Trung Quốc. Tình hình xuất khẩu gốm Hizen trở nên nhộn nhịp kéo dài từ năm 1647 cho đến năm 1684 sau khi Trung Quốc bãi bỏ lệnh Hải cấm, đây chính là thời kỳ thịnh đạt nhất trong quan hệ hải thương Nhật Bản và Đông Nam Á. Giai đoạn này gốm Hizen đã xuất khẩu ra nước ngoài khoảng 2,700,000 sản phẩm các loại<sup>68</sup>.

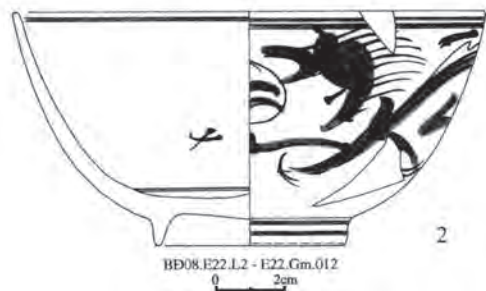
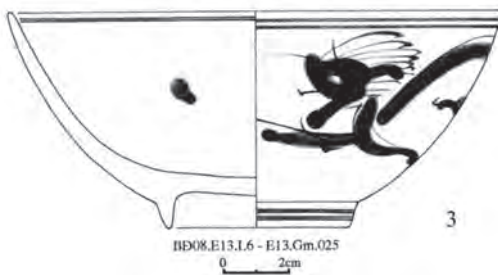
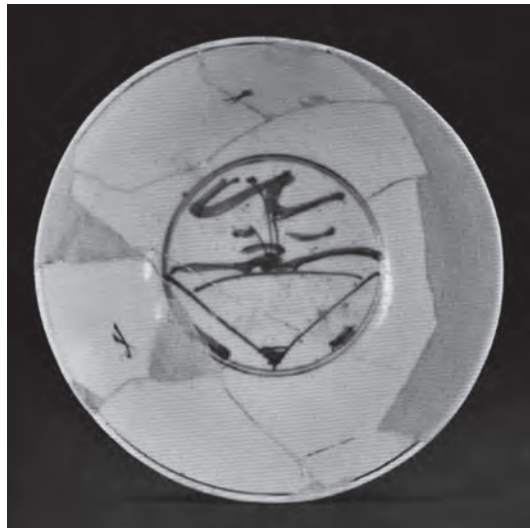
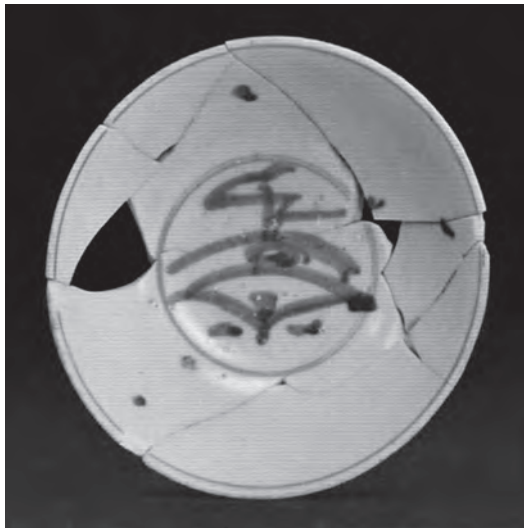
5.2. Gốm Hizen nhập khẩu vào Việt Nam có sự khác biệt nhất định giữa khu vực Đàng Ngoài và Đàng Trong. Ở Đàng Ngoài, gốm Hizen chỉ phát hiện ở khu vực của hoàng gia hoặc chịu ảnh hưởng chính trị của chính quyền Lê-Trịnh, tại đây chúng được đặt hàng và sử dụng như một “xa xỉ phẩm”, đồng thời là quà biếu của tầng lớp thống trị để tạo ra sự khác biệt so với lượng đồ gốm trong nước sản xuất cho bình dân sử dụng. Ở Đàng Trong, gốm Hizen được tìm thấy phổ biến ở nhiều loại hình di tích khác nhau, từ thành thị đến thương cảng, từ khu mộ địa của người dân tộc thiểu số miền núi đến các khu đền thờ... Gốm Hizen cũng nằm cùng tầng với các di vật gia dụng phổ biến thời bấy giờ, và là mặt hàng thay thế cho những đồ gốm sứ Trung Quốc đang khan hiếm mà hoạt động thương mại ngưng trệ do chiến tranh Trịnh-Nguyễn không thể chuyển nguồn gốm sứ dồi dào từ Đàng Ngoài vào.

5.3. Vai trò của công ty Đông Ấn Hà Lan và Hoa thương có ý nghĩa quyết định trong việc nhập khẩu gốm Hizen vào Việt Nam.



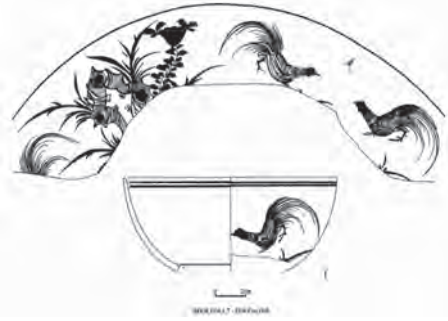
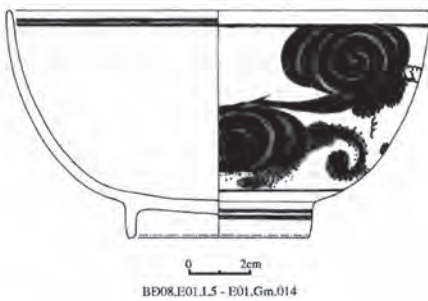
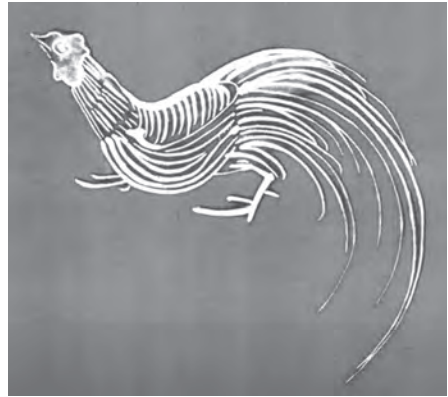
Hình 1: Các di tích phát hiện gồm Hizen thế kỷ 17 ở Việt Nam (Nguồn: Đặng Hồng Sơn)

1. Thăng Long; 2. Đống Thếch; 3. Phố Hiến; 4. Làng Gốm; 5. Lam Kinh; 6. Hội Thống;
7. Mai Xá; 8. Cửa Việt; 9. Mỹ Xuyên; 10. Thanh Hà; 11. Thanh Chiêm; 12. Hội An;
13. Nôi Rang; 14. Trà Kiệu; 15. Đồng Dương; 16. Dương Long; 17. Thốc Lốc;
18. Nước Mặn; 19. Đại Làng; 20. Đại Lào; 21. Đạ Đờn; 22. Côn Đảo



Hình 2: Bát vẽ rồng ở Thăng Long  
đường kính miệng 14.4cm cao 7.1cm  
(Nguồn: Bùi Minh Trí: *Gốm Nhật Bản trong hoàng cung Thăng Long*, tr. 98-99, 175)

Hình 3: Bát vẽ rồng ở Thăng Long  
đường kính miệng 13.5cm cao 6.7cm  
(Nguồn: Bùi Minh Trí: *Gốm Nhật Bản trong hoàng cung Thăng Long*, tr. 98-99, 175)



Hình 4: Bát vẽ phượng ở Thăng Long  
đường kính miệng 13.5cm cao 7.2cm  
(Nguồn: Bùi Minh Trí: *Gốm Nhật Bản trong hoàng cung Thăng Long*, tr. 108-111, 173, 177)

Hình 5: Bát vẽ phượng ở Thăng Long  
đường kính miệng 13.9cm cao 7.3cm  
(Nguồn: Bùi Minh Trí: *Gốm Nhật Bản trong hoàng cung Thăng Long*, tr. 108-111, 173, 177)



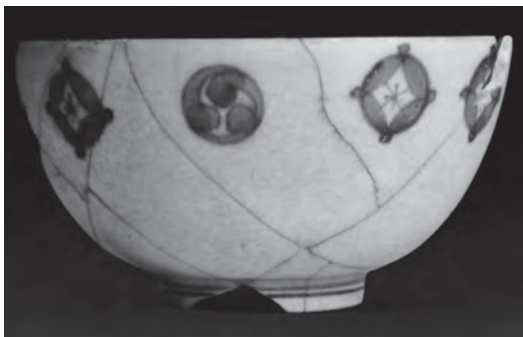
Hình 7: Bát vẽ phong cảnh ở Thăng Long  
đường kính miệng 15.6cm cao 8.3cm



Hình 6: Bát vẽ phong cảnh ở Thăng Long  
đường kính miệng 11.4cm cao 6.5cm



Hình 8: Bát vẽ phong cảnh ở Thăng Long  
đường kính miệng 15.8cm cao 8.2cm



Hình 9: Bát vẽ hoa lá ở Thăng Long  
đường kính miệng 11.2cm cao 6cm

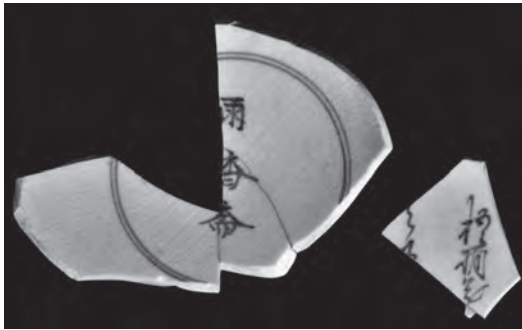
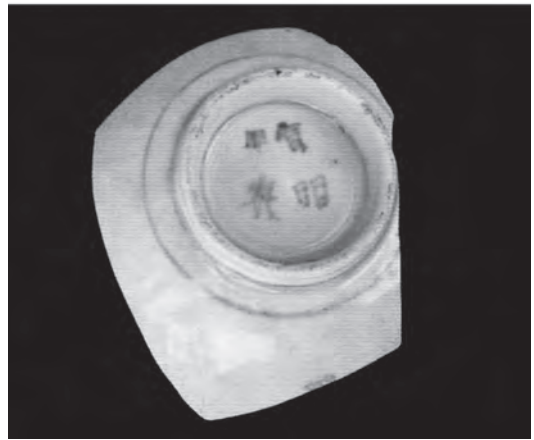
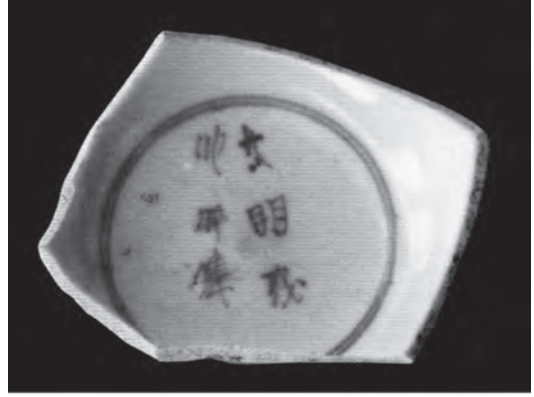


Hình 10: Bát vẽ hoa lá ở Thăng Long  
đường kính miệng 11cm cao 6.1cm

(Nguồn: Bùi Minh Trí: *Gốm Nhật Bản trong hoàng cung Thăng Long*, tr. 112, 117-118, 121, 178)

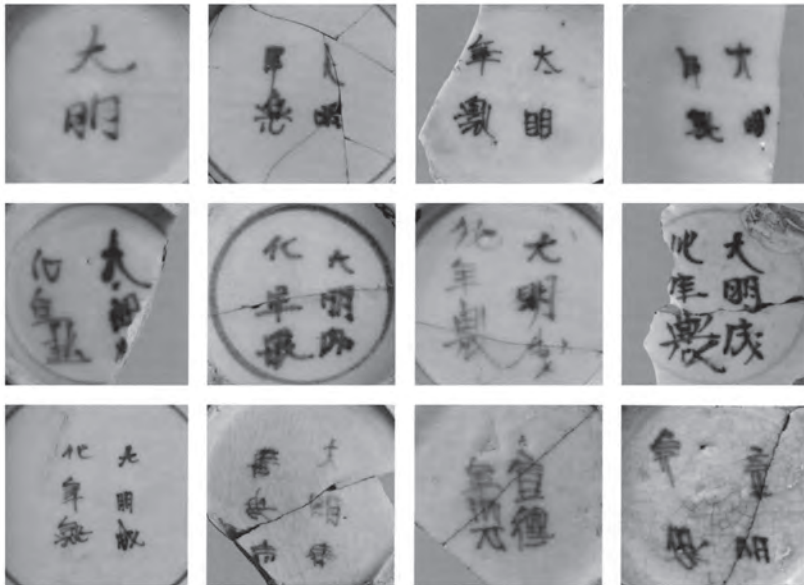


Hình 11: Bát vẽ chữ Hán ở Thăng Long



Hình 12: Bát vẽ chữ Hán ở Thăng Long

Hình 13: Bát vẽ chữ Hán ở Lâm Đồng



Hình 14: Chữ Hán vẽ dưới đáy đồ gốm Hizen

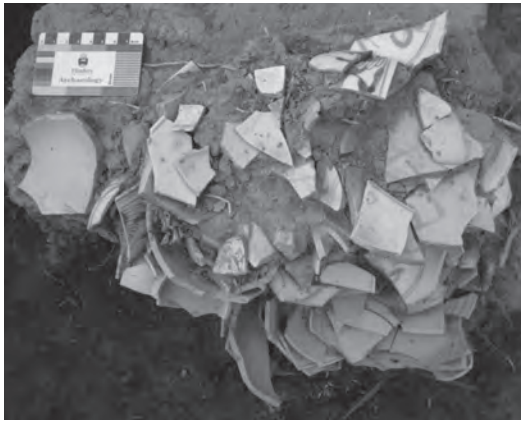
(Nguồn: Bùi Minh Trí: *Gốm Nhật Bản trong hoàng cung Thăng Long*, tr. 23, 25, 138-139)



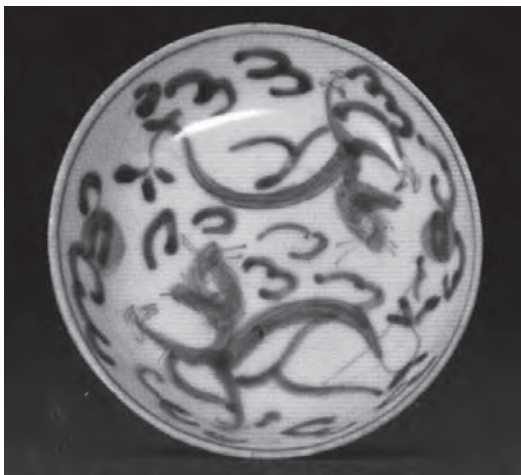
Hình 15: Các đồ án trang trí trong lòng gốm Hizen  
 (Nguồn: Bùi Minh Trí: *Gốm Nhật Bản trong hoàng cung Thăng Long*, tr. 24)



Hình 16: Gốm Hizen trong hố khai quật tại nhà thờ họ Tăng ở Hội An năm 2006  
(Nguồn: Đoàn Khai quật Việt - Nhật)



Hình 17: Gốm Hizen trong hố khai quật tại Nước Mặn năm 2016  
(Nguồn: Bùi Văn Hiếu, Đào Xuân Ngọc)

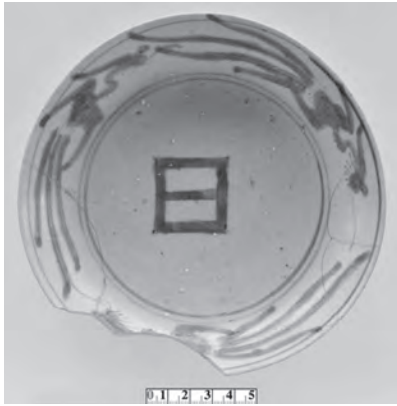


Hình 18: Đĩa vẽ rồng ở Đống Thếch  
đường kính miệng 10cm  
(Nguồn: Bùi Minh Trí: Gốm Nhật Bản trong hoàng cung Thăng Long, tr. 16, 141)



Hình 19: Đĩa vẽ rồng ở Đống Thếch  
đường kính miệng 10.2cm cao 2.5cm





Hình 20: Đĩa vẽ phượng ở Hội An



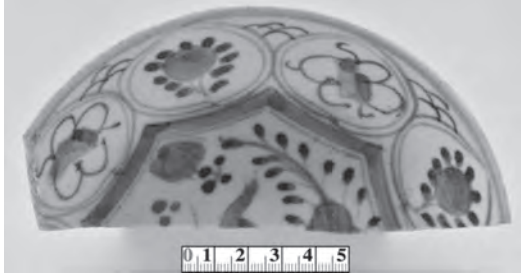
Hình 21: Đĩa vẽ phượng ở Hội An

(Nguồn: Đoàn Khai quật Việt - Nhật)



Hình 22-25: Đĩa vẽ hoa lá ở Thăng Long và  
Đống Théch; đường kính miệng 11-15cm  
và cao 2.5-3.2cm

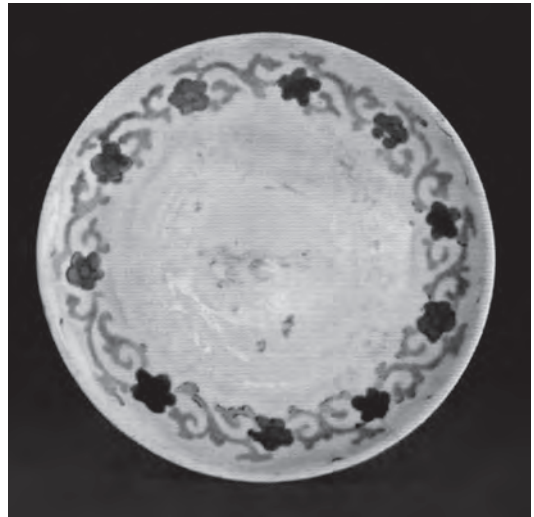
(Nguồn: Bùi Minh Trí: *Gốm Nhật Bản trong hoàng cung Thăng Long*, tr. 26, 155-160)



Hình 26-27: Đĩa vẽ phong Kraak ở Hội An (Nguồn: Đoàn Khai quật Việt - Nhật)



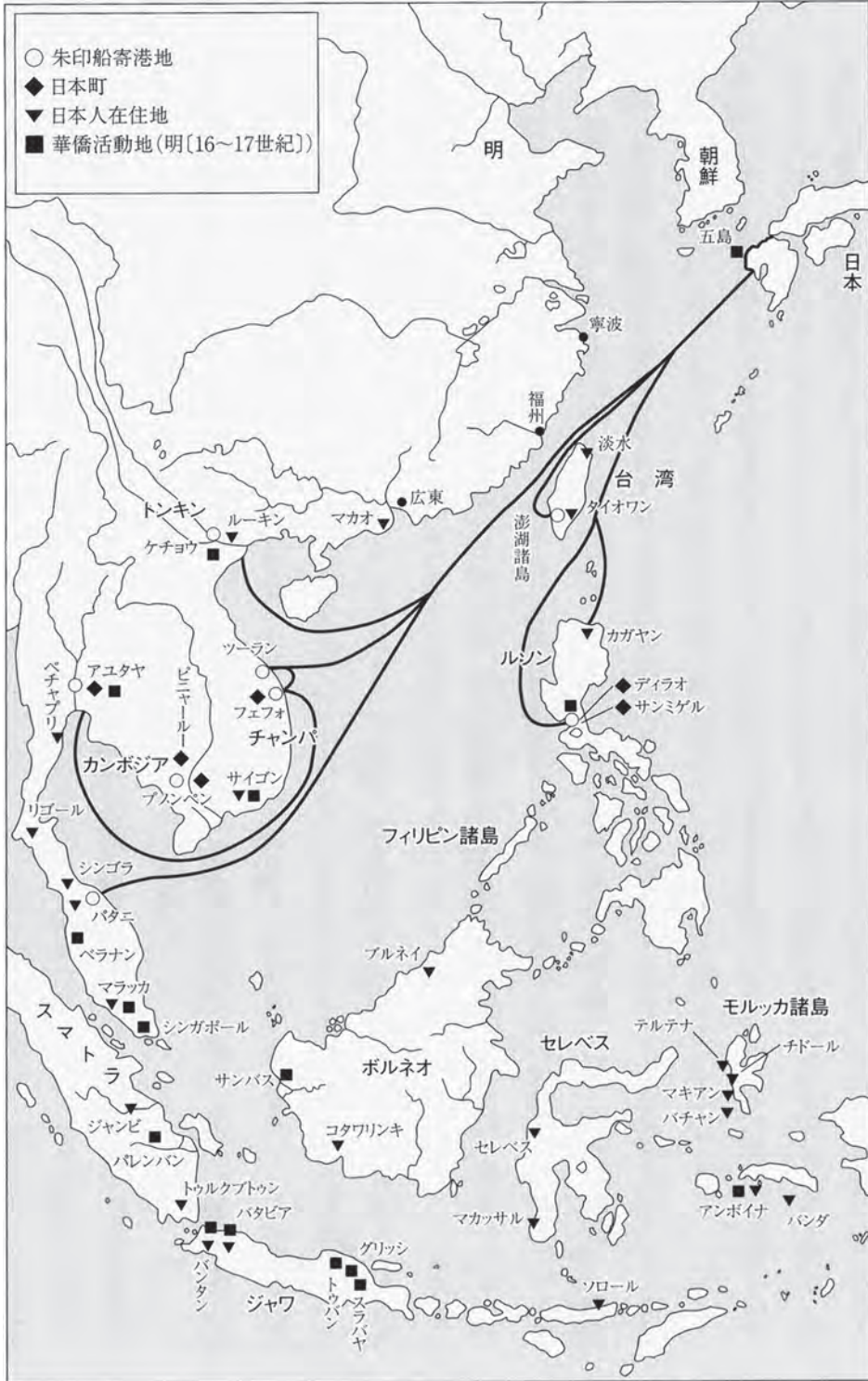
Hình 29: Đĩa vẽ phong Kraak ở Đại Làng; đường kính miệng 24cm



Hình 28: Đĩa vẽ phong Kraak ở Đống Thếch;  
đường kính miệng 20.5cm, cao 4cm

Hình 30: Đĩa vẽ màu trên men ở Đống Thếch;  
đường kính miệng 14.7cm

(Nguồn: Bùi Minh Trí: *Gốm Nhật Bản trong hoàng cung Thăng Long*, tr. 21, 41, 169)



Hình 31: Hải trình và các thương cảng của Châu ấn thuyền ở khu vực Đông Nam Á  
 (Nguồn: Kikuchi Seiichi (2014): Nghiên cứu bản vẽ Châu ấn thuyền mật dịch, tr. 64)

- <sup>1</sup> TS. Đặng Hồng Sơn: Phó Chủ nhiệm Bộ môn Khảo cổ học, Phó Trưởng Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội; Phó Tổng thư ký Hội Khảo cổ học Việt Nam; Email: hongsonk45@gmail.com
- <sup>2</sup> Hasebe Gakuji (1991): “Tìm hiểu mối quan hệ Nhật-Việt qua đồ gốm sứ”, trong *Đô thị cổ Hội An*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 81; Tống Trung Tín (2000): “Tình hình trao đổi và buôn bán đồ gốm giữa Việt Nam và Nhật Bản (thế kỷ XIV-XIX)”, *Nghiên cứu Lịch sử* (3), tr. 67-68.
- <sup>3</sup> Bùi Minh Trí (2011): *Gốm Nhật Bản trong hoàng cung Thăng Long*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 27; Nguyễn Thị Lan Anh (2014): *Quá trình hình thành, phát triển và giao lưu của gốm sứ Hizen*, Luận án tiến sĩ khoa học lịch sử, Trường ĐHKHXH&NV, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tư liệu Khoa Lịch sử, ký hiệu LA-TS 0172.
- <sup>4</sup> Ohashi Koji (1989): *Triển lãm đồ gốm Hizen ở nước ngoài*, Bảo tàng Văn hóa gốm sứ Kyushu xuất bản, tr. 96. Dẫn theo Kikuchi Seiichi (2010): *Nghiên cứu đô thị cổ Hội An - Từ quan điểm khảo cổ học lịch sử*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, tr. 295.
- <sup>5</sup> Bùi Minh Trí (2011): *Gốm Nhật Bản trong hoàng cung Thăng Long*, sđd, tr. 11; Bùi Minh Trí, Nguyễn Văn Hùng (2004): “Phát hiện di tích cư trú thời Lê ở phía Đông thành Thăng Long qua kết quả khai quật trung tâm thương mại Tràng Tiền (Tràng Tiền plaza)”, *Khảo cổ học* (4), tr. 71-81; Tống Trung Tín, Hà Văn Cần, Nguyễn Văn Hùng (2000): *Báo cáo thám sát, khai quật địa điểm Hậu Lâu (Hà Nội) đợt 1 và đợt 2 (1998-1999)*, Hà Nội, 2000, tư liệu Viện Khảo cổ học, ký hiệu Hs 448.
- <sup>6</sup> Trịnh Cao Tường, Phan Tiến Ba, Lê Đình Phụng, Lê Thị Liên (1985): *Báo cáo khai quật khu mộ Mường Đống Thếch (tỉnh Hà Sơn Bình trước đây)*, Hồ sơ Viện Khảo cổ học, Hà Nội, ký hiệu HS 314; Lê Đình Phụng, Phan Tiến Ba (1986): “Khu mộ Mường Đống Thếch (Hà Sơn Bình)”, *Khảo cổ học* (3), tr. 43-51.
- <sup>7</sup> Bùi Minh Trí, Phạm Quốc Quân (1999): “Gốm sứ Trung Quốc và Nhật Bản phát hiện trong các mộ Mường”, Hội thảo quốc tế *Quan hệ Việt - Nhật thế kỷ XV-XVII qua giao lưu gốm sứ*, Hà Nội.
- <sup>8</sup> Nguyễn Xuân Mạnh, Nguyễn Chiêu, Yuriko Kikuchi (2011): *Báo cáo kết quả đào thám sát khảo cổ học tại khu di tích Võ Miếu, đền Thiên Hậu và khu vực Phố Hiến*, Tư liệu Khoa Lịch sử, Trường ĐHKHXH&NV, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- <sup>9</sup> Asato Shijun, Kikuchi Seiichi, Tezuka Naoki (1998): “Nghiên cứu gốm sứ Việt Nam”, *Kỷ yếu Nghiên cứu Lịch sử Okinawa* (23). Dẫn theo Kikuchi Seiichi (2010): *Nghiên cứu đô thị cổ Hội An - Từ quan điểm khảo cổ học lịch sử*, sđd, tr. 299.
- <sup>10</sup> Kikuchi Seiichi (2010): *Nghiên cứu đô thị cổ Hội An - Từ quan điểm khảo cổ học lịch sử*, sđd, tr. 299.
- <sup>11</sup> Đặng Hồng Sơn, Nguyễn Văn Anh, Kikuchi Yuriko (2017): “Thương cảng Hội Thống: Tư liệu lịch sử và khảo cổ học”, trong *Hệ thống thương cảng miền Trung với con đường tơ lụa trên biển: Vai trò và các mối quan hệ*, Kỷ yếu hội thảo Khoa học Quốc tế, Hội An, tr. 299-322.
- <sup>12</sup> Bùi Minh Trí, Phạm Quốc Quân (1994): “Gốm Hizen - Nhật Bản tìm thấy ở một số địa điểm khảo cổ học Việt Nam”, *Khảo cổ học* (4), tr. 39-42.
- <sup>13</sup> Đoàn Khai quật Việt - Nhật (2008): “Khai quật và khảo sát khảo cổ Hội An, năm 2006”, *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2006*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 340-343.
- <sup>14</sup> Bùi Minh Trí, Phạm Quốc Quân (1994): “Gốm Hizen - Nhật Bản tìm thấy ở một số địa điểm khảo cổ học Việt Nam”, bđd, tr. 42-43; Tống Trung Tín, Bùi Minh Trí, Lê Đình Phụng (1997): “Nhận diện một số loại hình sứ Hizen (Nhật Bản) ở thương cảng Thanh Hà (Thừa Thiên Huế)”, *Thông báo khoa học Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam 1997*, Hà Nội, tr. 123-131; Tống Trung Tín (2000): “Tình hình trao đổi và buôn bán đồ gốm giữa Việt Nam và Nhật Bản (thế kỷ XIV-XIX)”, bđd, tr. 69.
- <sup>15</sup> Bùi Minh Trí, Phạm Quốc Quân (1994): “Gốm Hizen - Nhật Bản tìm thấy ở một số địa điểm khảo cổ học Việt Nam”, bđd, tr. 44; Bùi Văn Hiếu (2017): “Khai quật thám sát thương cảng Nước Mặn lần thứ hai”, *Khảo cổ học* (3), tr. 76-89; Bùi Văn Hiếu, Đào Xuân Ngọc (2017): “Gốm Hizen Nhật Bản thu được qua cuộc thám sát thương cảng Nước Mặn lần thứ hai”, bài tham luận tại Hội nghị *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2017*; Đinh Bá Hòa (2007): “Nhận diện Thi Nại - Nước Mặn qua tư liệu khảo cổ học”. *Khảo cổ học* (1), tr. 73-77.
- <sup>16</sup> Kikuchi Seiichi (2010): *Nghiên cứu đô thị cổ Hội An - Từ quan điểm khảo cổ học lịch sử*, sđd, tr. 300.
- <sup>17</sup> Kikuchi Seiichi (2010): *Nghiên cứu đô thị cổ Hội An - Từ quan điểm khảo cổ học lịch sử*, sđd, tr. 301.
- <sup>18</sup> EIC viết tắt của từ English East India Company, thành lập năm 1600.
- <sup>19</sup> Kikuchi Seiichi (2010): *Nghiên cứu đô thị cổ Hội An - Từ quan điểm khảo cổ học lịch sử*, sđd, tr. 301.
- <sup>20</sup> Bùi Minh Trí (2011): *Gốm Nhật Bản trong hoàng cung Thăng Long*, sđd, tr. 47.
- <sup>21</sup> Bùi Minh Trí (2011): *Gốm Nhật Bản trong hoàng cung Thăng Long*, sđd, tr. 11-18.

- <sup>22</sup> Bùi Minh Trí, Phạm Quốc Quân (1994): “Gốm Hizen - Nhật Bản tìm thấy ở một số địa điểm khảo cổ học Việt Nam”, bđd, tr. 39-42.
- <sup>23</sup> Bùi Văn Hiếu, Đào Xuân Ngọc (2017): “Gốm Hizen Nhật Bản thu được qua cuộc thám sát thương cảng Nước Mặn lần thứ hai”, bđd.
- <sup>24</sup> Bùi Minh Trí, Phạm Quốc Quân (1994): “Gốm Hizen - Nhật Bản tìm thấy ở một số địa điểm khảo cổ học Việt Nam”, bđd, tr. 39-42.
- <sup>25</sup> Bùi Minh Trí, Phạm Quốc Quân (1994): “Gốm Hizen - Nhật Bản tìm thấy ở một số địa điểm khảo cổ học Việt Nam”, bđd, tr. 34-51.
- <sup>26</sup> Naho Shimizu (2010): *Japanese Hizen Ceramics Recovered from the Old City of Vientiane*. Dẫn theo Bùi Minh Trí (2011): *Gốm Nhật Bản trong hoàng cung Thăng Long*, sđd, tr. 20.
- <sup>27</sup> Kikuchi Seiichi (2010): *Nghiên cứu đô thị cổ Hội An - Từ quan điểm khảo cổ học lịch sử*, sđd, tr. 309-310.
- <sup>28</sup> Bùi Minh Trí (2011): *Gốm Nhật Bản trong hoàng cung Thăng Long*, sđd, tr. 21-22.
- <sup>29</sup> Bùi Minh Trí (2011): *Gốm Nhật Bản trong hoàng cung Thăng Long*, sđd, tr. 23.
- <sup>30</sup> VOC viết tắt của từ Vereenigde Oost-Indische Compagnie, thành lập năm 1602.
- <sup>31</sup> Volker, T. (1971): *Porcelain and the Dutch India East Company*, Leiden, E. J. Brill. Dẫn theo Bùi Minh Trí (2011): *Gốm Nhật Bản trong hoàng cung Thăng Long*, sđd, tr. 16; Hoàng Anh Tuấn (2007): “Gốm sứ Đàng Ngoài xuất khẩu ra Đông Nam Á thế kỷ XVII: Tư liệu và nhận thức”, *Nghiên cứu Lịch sử* (11), tr. 34, bảng 3; và một số tác giả khác.
- <sup>32</sup> Hoàng Anh Tuấn (2007): “Gốm sứ Đàng Ngoài xuất khẩu ra Đông Nam Á thế kỷ XVII: Tư liệu và nhận thức”, bđd, tr. 34, bảng 3.
- <sup>33</sup> Tống Trung Tín, Bùi Minh Trí, Lê Đình Phụng (1997): “Nhận diện một số loại hình sứ Hizen (Nhật Bản) ở thương cảng Thanh Hà (Thừa Thiên Huế)”, bđd, tr. 123-131.
- <sup>34</sup> Bùi Minh Trí (2011): *Gốm Nhật Bản trong hoàng cung Thăng Long*, sđd, tr. 35; Đỗ Thị Thùy Lan (2016): *Hệ thống Cảng thị Sông Đàng Ngoài: Lịch sử ngoại thương Việt Nam thế kỷ XVII-XVIII*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- <sup>35</sup> Kato Eiichi (1991): “Mậu dịch với Đông Dương của các thương điểm thuộc công ty Đông Ấn Hà Lan tại Nhật Bản”, trong *Đô thị cổ Hội An*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 228-229.
- <sup>36</sup> Trần Kinh Hòa (1980): “Về tình hình và đặc điểm của Hà Nội (Kê Chợ) vào thế kỷ XVII”, *tạp chí Sử học Đại học Keio* (1), quyển 43, tr. 14. Dẫn theo Kikuchi Seiichi (2010): *Nghiên cứu đô thị cổ Hội An - Từ quan điểm khảo cổ học lịch sử*, sđd, tr. 304.
- <sup>37</sup> Hoàng Anh Tuấn (2007): “Gốm sứ Đàng Ngoài xuất khẩu ra Đông Nam Á thế kỷ XVII: Tư liệu và nhận thức”, bđd, tr. 26-39; Bùi Minh Trí (2008): “Gốm Việt Nam trong thương mại biển châu Á thế kỷ XVII”, *Khảo cổ học* (6), tr. 67-82; Bùi Minh Trí (2011): *Gốm Nhật Bản trong hoàng cung Thăng Long*, sđd, tr. 37.
- <sup>38</sup> Số liệu được trích lược từ *Overgekomen Brieven en Papieren*; BL OIOC G/12/17; *Dagh-register Batavia 1624-1682*; Volker, *Porcelain*. Dẫn theo Hoàng Anh Tuấn (2007): “Gốm sứ Đàng Ngoài xuất khẩu ra Đông Nam Á thế kỷ XVII: Tư liệu và nhận thức”, bđd, tr. 29, bảng 1.
- <sup>39</sup> Furiwara Hiroshi (1949): “Hoa kiều với chúa Nguyễn ở Quảng Nam”, *Nghiên cứu lịch sử Đông Dương* (5), quyển 10, tr. 46-61. Dẫn theo Kikuchi Seiichi (2010): *Nghiên cứu đô thị cổ Hội An - Từ quan điểm khảo cổ học lịch sử*, sđd, tr. 298.
- <sup>40</sup> Mặt hàng này có thời điểm giá cao nên việc xuất khẩu đi châu Âu còn khó khăn, nên năm 1665 VOC chấm dứt hoạt động buôn gốm Hizen về châu Âu. Dẫn theo Hoàng Anh Tuấn (2007): “Gốm sứ Đàng Ngoài xuất khẩu ra Đông Nam Á thế kỷ XVII: Tư liệu và nhận thức”, bđd, tr. 22-23.
- <sup>41</sup> Bùi Minh Trí (2011): *Gốm Nhật Bản trong hoàng cung Thăng Long*, sđd, tr. 44.
- <sup>42</sup> Bùi Minh Trí, Kerry Nguyễn Long (2001): *Vietnamese Blue & White Ceramics*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- <sup>43</sup> Nguyễn Trãi: *Dư địa chí*, bản Hán văn và Việt văn, Phan Huy Tiếp dịch, Hà Văn Tấn hiệu đính và chú thích, dẫn từ *Nguyễn Trãi toàn tập tân biên*, tập II, Nxb Văn học và Trung tâm Nghiên cứu Quốc học xuất bản, 2001, tr. 446 và 482. Nguyên văn: 外國諸人不得擅入内鎮, 悉處之雲屯、萬寧、芹海、會統、會潮、葱嶺、富良、三奇、竹華焉。
- <sup>44</sup> Dương Văn An (2009): *Ô Châu cận lục*, quyển 3, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- <sup>45</sup> Kikuchi Seiichi (2010): *Nghiên cứu đô thị cổ Hội An - Từ quan điểm khảo cổ học lịch sử*, sđd, tr. 304-305.
- <sup>46</sup> Quốc sử quán triều Nguyễn (2005): *Đại Nam thực lục*, tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr. 31.
- <sup>47</sup> Twaō Seiichi (1985): *Nghiên cứu lịch sử thương mại Châu ấn thuyền*, Nxb. Yoshikawa Kobunkan. Dẫn theo

- Kikuchi Seiichi (2010): *Nghiên cứu đô thị cổ Hội An - Từ quan điểm khảo cổ học lịch sử*, sđd, tr. 304.
- <sup>48</sup> Kikuchi Seiichi (2010): *Nghiên cứu đô thị cổ Hội An - Từ quan điểm khảo cổ học lịch sử*, sđd, tr. 305.
- <sup>49</sup> Phan Huy Lê (1999): “Quan hệ Việt Nam - Nhật Bản thế kỷ XV-XVII trong bối cảnh lịch sử thế giới và khu vực”, Hội thảo quốc tế *Quan hệ Việt - Nhật thế kỷ XV-XVII qua giao lưu gốm sứ*, Hà Nội.
- <sup>50</sup> Kato Eiichi (1991): “Mậu dịch với Đông Dương của các thương điểm thuộc công ty Đông Ấn Hà Lan tại Nhật Bản”, bđd, tr. 220.
- <sup>51</sup> Kato Eiichi (1991): “Mậu dịch với Đông Dương của các thương điểm thuộc công ty Đông Ấn Hà Lan tại Nhật Bản”, bđd, tr. 217.
- <sup>52</sup> Vũ Minh Giang (1991): “Người Nhật, phố Nhật và di tích Nhật Bản ở Hội An”, trong *Đô thị cổ Hội An*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 211.
- <sup>53</sup> Vũ Minh Giang (1991): “Người Nhật, phố Nhật và di tích Nhật Bản ở Hội An”, bđd, tr. 208.
- <sup>54</sup> *Phượng Dương Nguyễn tộc thế phả* (鳳陽阮族世譜), Nguyễn Huy Giáp soạn năm 1841, Nguyễn Huy Chương sao năm 1942, bản Hán văn, lưu trữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Hà Nội, ký hiệu VHv 1354; Anh Tinh Hựu Cát: *An Nam mậu dịch gia Giác Ốc Thất Lang Binh vệ: Phụ Tùng Bản nhất tộc*, Nhật văn, Hạc Thành thông tin xuất bản, 1930; Trần Bá Chí (2006): “Thương nghiệp Nghệ An thời xưa”, trong *Văn hóa Nghệ An* (69+70, tr. 35-37; Trần Bá Chí (2012): “Về buôn bán giữa Nhật Bản với Đại Việt thế kỷ XVI - XVIII (qua một số tài liệu Hán - Nhật Bản)”, trong *Văn hóa Nghệ An* (220), tr. 14-16; Trần Bá Chí (2015): “Nhật Bản mở phố buôn tại Chợ Tràng - Nghệ An”, trong *Văn hóa Nghệ An* (307), tr. 37-39; Đặng Hồng Sơn, Nguyễn Văn Anh, Kikuchi Yuriko (2017): “Thương cảng Hội Thống: Tư liệu lịch sử và khảo cổ học”, bđd, tr. 299-322.
- <sup>55</sup> *Đô thị cổ Hội An*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- <sup>56</sup> Quốc sử quán triều Nguyễn (2005): *Đại Nam thực lục*, sđd, tr. 32.
- <sup>57</sup> Vũ Minh Giang (1991): “Người Nhật, phố Nhật và di tích Nhật Bản ở Hội An”, bđd, tr. 205-206; Bùi Minh Trí (2008): “Gốm Việt Nam trong thương mại biển châu Á thế kỷ XVII”, bđd, tr. 67-82.
- <sup>58</sup> Bùi Minh Trí (2011): *Gốm Nhật Bản trong hoàng cung Thăng Long*, sđd, tr. 34-35.
- <sup>59</sup> Kikuchi Seiichi (2010): *Nghiên cứu đô thị cổ Hội An - Từ quan điểm khảo cổ học lịch sử*, sđd, tr. 302-303.
- <sup>60</sup> Yamawaki Teijiro (1998): *Xuất khẩu gốm sứ qua tàu buôn Hà Lan và Trung Quốc*, Lịch sử thương nghiệp thị xã Arita, tập 2, Ban Giáo dục thị xã Arita. Dẫn theo Kikuchi Seiichi (2010): *Nghiên cứu đô thị cổ Hội An - Từ quan điểm khảo cổ học lịch sử*, sđd, tr. 309; Nogami Kenki (1999): “Sứ Hizen xuất khẩu ra nước ngoài”, Hội thảo quốc tế *Quan hệ Việt - Nhật thế kỷ XV-XVII qua giao lưu gốm sứ*, Hà Nội.
- <sup>61</sup> Bùi Minh Trí (2011): *Gốm Nhật Bản trong hoàng cung Thăng Long*, sđd, tr. 28.
- <sup>62</sup> Tổng hợp từ tư liệu của Hoàng Anh Tuấn (2007): “Gốm sứ Đàng Ngoài xuất khẩu ra Đông Nam Á thế kỷ XVII: Tư liệu và nhận thức”, bđd, tr. 34, bảng 3.
- <sup>63</sup> Số liệu được trích lược từ *Overgekomen Brieven en Papieren*; BL OIOC G/12/17; Dagh-register Batavia 1624-1682; Volker, Porcelain. Dẫn theo Hoàng Anh Tuấn (2007): “Gốm sứ Đàng Ngoài xuất khẩu ra Đông Nam Á thế kỷ XVII: Tư liệu và nhận thức”, bđd, tr. 34, bảng 3.
- <sup>64</sup> Volker, T. (1971): *Porcelain and the Dutck India East Company*, Leiden, E. J. Brill. Dẫn theo Bùi Minh Trí (2011): *Gốm Nhật Bản trong hoàng cung Thăng Long*, sđd, tr. 16, 36.
- <sup>65</sup> Theo *Overgekomen Brieven en Papieren*; Dagh-register Batavia 1624-1682; Volker, Porcelain; NFJ 310. Dẫn theo Hoàng Anh Tuấn (2007): “Gốm sứ Đàng Ngoài xuất khẩu ra Đông Nam Á thế kỷ XVII: Tư liệu và nhận thức”, bđd, tr. 35, bảng 4.
- <sup>66</sup> Hoàng Anh Tuấn (2007): “Gốm sứ Đàng Ngoài xuất khẩu ra Đông Nam Á thế kỷ XVII: Tư liệu và nhận thức”, bđd, tr. 22-23.
- <sup>67</sup> Kikuchi Seiichi (2010): *Nghiên cứu đô thị cổ Hội An - Từ quan điểm khảo cổ học lịch sử*, sđd, tr. 310.
- <sup>68</sup> The Kyushu Ceramic Museum (1990): *Hizen wares abroad*, Japan, p. 3.